

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 21C1 VÀ CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
XÉT ĐỢT 1 _THÁNG 12/2023**

(Kèm theo Quyết định số 863/QĐ-LTT-DT ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
1	17004473	Nguyễn Bình	Chánh	Nam	15/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CĐT1	A	B	6,36	Trung bình	
2	17001091	Trần Huy	Phương	Nam	20/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ4	A	B	5,95	Trung bình	
3	18002037	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	Nam	13/12/2000	Bình Dương	18C1-CCK2	A		6,07	Trung bình	
4	18003708	Nguyễn Thanh	Liêm	Nam	15/11/2000	Bến Tre	18C1-CCK5		B	6,25	Trung bình	
5	18005024	Đỗ Duy	Khương	Nam	04/11/2000	Tây Ninh	18C1-CNÔ1		TOEIC 350	6,68	Trung bình	
6	18002639	Phạm Vũ Quốc	Khang	Nam	30/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ12	A		6,17	Trung bình	
7	18004154	Trần Anh Phát	Đạt	Nam	30/9/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	18C1-CNÔ15	A	B	6,26	Trung bình	
8	18003237	Lê Hoàng	Ẩn	Nam	11/02/2000	Tây Ninh	18C1-CNÔ16			5,91	Trung bình	
9	18003502	Nguyễn Duy	Luân	Nam	07/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ17		B	6,25	Trung bình	
10	18001512	Phạm Nguyễn Thanh	Duy	Nam	29/9/2000	Đồng Tháp	18C1-CNÔ3		B	5,82	Trung bình	
11	18001994	Phạm Đức	Duy	Nam	01/12/1999	Tây Ninh	18C1-CNÔ7			6,18	Trung bình	
12	18002604	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	17/11/2000	Long An	18C1-CTM1			6,33	Trung bình	
13	18005217	Lê Vĩnh	Thái	Nam	28/6/2000	An Giang	18C1-ĐCN1			6,03	Trung bình	
14	18004357	Nguyễn Đức	Tính	Nam	01/01/1997	Bình Thuận	18C1-ĐCN4	A		6,46	Trung bình	
15	18004123	Nguyễn Quốc	Kiệt	Nam	10/10/2000	Vĩnh Long	18C1-ĐĐT2			5,79	Trung bình	
16	18005184	Lý Nguyễn	Phát	Nam	14/3/1999	Lâm Đồng	18C1-KML2	A	B	6,62	Trung bình	
17	18004852	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	26/10/2000	Bình Phước	18C1-VSL3			6,81	Trung bình	
18	19002894	Huỳnh Thanh	Hiếu	Nam	28/9/2001	Quảng Ngãi	19C1-CCK2	A		5,88	Trung bình	
19	19002558	Đỗ Anh	Tuấn	Nam	05/02/2001	Long An	19C1-CCK2		B	6,17	Trung bình	
20	19002946	Lê Quốc	Anh	Nam	12/01/2001	Bình Thuận	19C1-CCK3		TOEIC 350	5,90	Trung bình	
21	19002999	Nguyễn Văn	Cải	Nam	02/3/2000	An Giang	19C1-CCK3	A		5,67	Trung bình	
22	19003104	Phan Thanh	Lập	Nam	05/6/2001	Quảng Ngãi	19C1-CCK3			5,77	Trung bình	
23	19003425	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	14/8/2001	An Giang	19C1-CCK4	A	TOEIC 350	5,95	Trung bình	
24	19003407	Nguyễn Quốc	Minh	Nam	13/7/2000	Bình Thuận	19C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,85	Trung bình	
25	19003347	Nguyễn Minh	Quang	Nam	04/4/2001	Thừa Thiên -Huế	19C1-CCK4			5,98	Trung bình	
26	19003271	Đặng Quang	Triều	Nam	20/12/2001	Bình Thuận	19C1-CCK4	A		6,77	Trung bình	
27	19003634	Nguyễn Bảo	An	Nam	07/7/2001	An Giang	19C1-CCK5		TOEIC 350	6,45	Trung bình	
28	19002737	Ngô Khánh	Hòa	Nam	01/4/2001	Long An	19C1-CĐT1	A		6,95	Trung bình	
29	19002641	Phạm Đức	Trung	Nam	09/5/2001	Đồng Nai	19C1-CĐT1	A	TOEIC 350	5,79	Trung bình	
30	19005385	Đặng Tấn	Hiển	Nam	28/4/2000	Tiền Giang	19C1-CNÔ1	A		6,14	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
31	19002104	Nguyễn Thái	Dương	Nam	02/3/2000	Bình Thuận	19C1-CNÔ5	A		6,55	Trung bình	
32	19003983	Phạm Văn	Hiền	Nam	26/8/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-CNÔ6		B	6,77	Trung bình	
33	19002298	Đặng Quang	Vinh	Nam	16/9/2000	Vĩnh Long	19C1-CNÔ6		B	6,70	Trung bình	
34	19003817	Cù Đăng	Trung	Nam	02/6/2001	Ninh Thuận	19C1-CNÔ7	A		6,64	Trung bình	
35	19004044	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	04/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ7			6,31	Trung bình	
36	19002943	Trương Thanh	Bình	Nam	16/3/2001	Tiền Giang	19C1-CTM1		B	6,27	Trung bình	
37	19001917	Bùi Đức	Huy	Nam	14/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1			6,62	Trung bình	
38	19003238	Đinh Trần Trung	Kiên	Nam	12/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1			6,54	Trung bình	
39	19001916	Cao Long	Tân	Nam	20/3/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1		TOEIC 350	6,03	Trung bình	
40	19002405	Lưu Gia	Đinh	Nam	02/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN1	A		6,14	Trung bình	
41	19002898	Lê Bá	Hiếu	Nam	16/12/2001	Đồng Nai	19C1-ĐCN1	A		5,77	Trung bình	
42	19003445	Đoàn Văn	Thái	Nam	17/01/2001	Long An	19C1-ĐCN2		B	6,04	Trung bình	
43	19003132	Trương Nguyễn Huy	Vũ	Nam	25/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN2		B	5,81	Trung bình	
44	19004423	Hồ Nguyễn Quang	Huy	Nam	08/10/2001	Bình Định	19C1-ĐĐT1	A		6,15	Trung bình	
45	19002798	Trần Lê	Minh	Nam	23/10/2000	Long An	19C1-ĐĐT1		B	6,24	Trung bình	
46	19002874	Huỳnh Trung	Vinh	Nam	09/5/2001	An Giang	19C1-ĐĐT1		B	6,05	Trung bình	
47	19002848	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	05/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1		B	6,54	Trung bình	
48	19002904	Nguyễn Tiến	Phát	Nam	26/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	A	B	6,51	Trung bình	
49	19005220	Nguyễn Phước	Đại	Nam	08/01/2000	Cần Thơ	19C1-LTM1			6,51	Trung bình	
50	19000286	Phạm Đặng Minh	Trí	Nam	01/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1		TOEIC 350	7,07	Khá	
51	19000990	Lê Ngọc	Linh	Nam	20/5/1998	Quảng Ngãi	19C1-TKW1			6,10	Trung bình	
52	19002378	Hà Võ	An	Nam	15/8/2001	Tiền Giang	19C3-CNÔ3	A	B1	7,85	Khá	
53	19001400	Nguyễn Hùng	Dũng	Nam	07/10/2001	Hà Nội	19C3-CNÔ3	A	TOEIC 400	7,70	Khá	
54	19003444	Lê Văn	Duy	Nam	22/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C3-CNÔ3	A		7,82	Khá	
55	19003355	Nguyễn Tây	Hồ	Nam	26/11/2001	Bình Phước	19C3-CNÔ3	A	TOEIC 400	7,76	Khá	
56	19004374	Châu Chiêu	Hùng	Nam	06/02/2001	Kiên Giang	19C3-CNÔ3	A	B1	8,51	Giỏi	
57	19002169	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	16/5/2001	Ninh Bình	19C3-CNÔ3	A	B1	8,50	Giỏi	
58	19002468	Trịnh Tài	Nguyễn	Nam	18/10/2001	An Giang	19C3-CNÔ3	A	B1	7,94	Khá	
59	19003360	Nguyễn Trí	Nhân	Nam	26/10/2001	Đồng Tháp	19C3-CNÔ3	A	B1	7,91	Khá	
60	19002618	Nguyễn Nhật	Tiền	Nam	17/5/2001	Đồng Tháp	19C3-CNÔ3	A	B1	8,70	Giỏi	
61	19002341	Nguyễn Phạm Hoàng	Toàn	Nam	29/12/2001	Bình Dương	19C3-CNÔ3	A		7,11	Khá	
62	19000385	Hồ Đình Minh	Trí	Nam	14/5/1998	Đồng Nai	19C3-CNÔ3	A	B1	7,99	Khá	
63	19002427	Phan Minh	Tuấn	Nam	14/01/2001	Tây Ninh	19C3-CNÔ3	A	B1	8,44	Giỏi	
64	20003722	Châu Minh	Cường	Nam	01/10/1999	Đồng Nai	20C1-BCN1			6,18	Trung bình	
65	20004530	Trần Lê	Huy	Nam	23/7/2002	Đắk Lắk	20C1-BCN1			5,60	Trung bình	
66	20003214	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	11/6/2002	Long An	20C1-BCN1	A	TOEIC 350	6,72	Trung bình	
67	20005345	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	14/11/2002	Lâm Đồng	20C1-BCN1			5,99	Trung bình	
68	20004542	Nguyễn Văn	Quyền	Nam	30/12/2001	Tây Ninh	20C1-BCN1			5,73	Trung bình	
69	20005447	Nguyễn Bùi Đức	Tuấn	Nam	24/11/2001	Tây Ninh	20C1-BCN1			6,06	Trung bình	
70	20003994	Lê Ngọc	Châu	Nam	08/10/2002	Phú Yên	20C1-CCK1			6,54	Trung bình	
71	20002423	Đặng Thành	Đạt	Nam	16/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,87	Trung bình	
72	20002373	Lê Hoàng	Duy	Nam	24/10/2002	Lâm Đồng	20C1-CCK1	A	TOEIC 350	7,18	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
73	20002661	Nguyễn Phúc Bảo	Hiền	Nam	29/9/2002	Đồng Nai	20C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,34	Trung bình	
74	20002545	Lê Văn	Luân	Nam	23/4/2002	Đồng Tháp	20C1-CCK1			7,49	Khá	
75	20002924	Tổng Hoàng Đạt	Phú	Nam	11/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK1			6,45	Trung bình	
76	20002525	Võ Đan	Trường	Nam	21/01/2002	Long An	20C1-CCK1		TOEIC 350	7,30	Khá	
77	20003656	Huỳnh Thái	Bảo	Nam	23/02/2002	Tây Ninh	20C1-CCK2			7,46	Khá	
78	20003579	Phạm Ngọc	Châu	Nam	09/8/2002	Bình Phước	20C1-CCK2	A	TOEIC 350	6,28	Trung bình	
79	20004237	Võ Xuân	Diệu	Nam	10/02/2002	Đồng Nai	20C1-CCK2		TOEIC 350	6,64	Trung bình	
80	20003594	Tăng Phi	Điêu	Nam	01/01/2000	Sóc Trăng	20C1-CCK2			6,36	Trung bình	
81	20003612	Nguyễn Trọng	Hà	Nam	15/4/2002	Đắk Lắk	20C1-CCK2			6,29	Trung bình	
82	20003433	Phan Văn	Hậu	Nam	14/01/2002	Bình Thuận	20C1-CCK2	A	TOEIC 350	5,92	Trung bình	
83	20003653	Lê Hoàng	Khánh	Nam	29/9/2002	Vĩnh Long	20C1-CCK2			6,33	Trung bình	
84	20003405	Nguyễn Minh	Ngọc	Nam	03/4/2002	Bình Phước	20C1-CCK2		TOEIC 350	6,04	Trung bình	
85	20003297	Lê Nhật	Phi	Nam	24/11/2002	Long An	20C1-CCK2	A		6,76	Trung bình	
86	20003292	Phùng Vũ Quốc	Thắng	Nam	31/10/2002	Bình Phước	20C1-CCK2		TOEIC 350	6,21	Trung bình	
87	20003651	Nguyễn Phước	Vinh	Nam	29/11/2002	Vĩnh Long	20C1-CCK2			6,09	Trung bình	
88	20003845	Nguyễn Thanh	Điền	Nam	16/7/2002	Phú Yên	20C1-CCK3	A		5,92	Trung bình	
89	20003531	Nguyễn Anh	Huy	Nam	12/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK3			5,85	Trung bình	
90	20004198	Trần Duy	Khánh	Nam	08/3/2002	Quảng Bình	20C1-CCK3	A	TOEIC 350	5,86	Trung bình	
91	20003995	Nguyễn Nhật	Tính	Nam	17/7/2002	Phú Yên	20C1-CCK3	A	TOEIC 350	6,03	Trung bình	
92	20003826	Nguyễn Cao	Trí	Nam	19/5/2002	Tiền Giang	20C1-CCK3	A		6,58	Trung bình	
93	20004449	Võ Thành	Công	Nam	29/7/2002	Tây Ninh	20C1-CCK4	A		6,09	Trung bình	
94	20004558	Trần Học	Dĩ	Nam	05/6/2002	Bình Định	20C1-CCK4	A		6,69	Trung bình	
95	20004579	Phan Văn	Hiếu	Nam	29/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK4			6,15	Trung bình	
96	20004600	Mang Văn	Huy	Nam	04/8/2002	Tây Ninh	20C1-CCK4	A		6,11	Trung bình	
97	20005272	Phạm Trọng	Nguyên	Nam	26/12/2002	Bến Tre	20C1-CCK4			7,14	Khá	
98	20004474	Lê Minh	Quân	Nam	12/01/2002	Long An	20C1-CCK4			6,82	Trung bình	
99	20004482	Nguyễn Văn	Quang	Nam	05/02/2002	Bình Định	20C1-CCK4	A		6,55	Trung bình	
100	20005573	Võ Văn	Tám	Nam	06/02/2002	Quảng Ngãi	20C1-CCK4		TOEIC 350	6,06	Trung bình	
101	20004572	Nguyễn Văn	Thân	Nam	18/4/2002	Ninh Thuận	20C1-CCK4	A		6,56	Trung bình	
102	20004716	Nguyễn Đăng	Thiệu	Nam	10/9/2002	Bình Thuận	20C1-CCK4	A		7,43	Khá	
103	20004509	Võ Minh	Trí	Nam	06/12/2002	Tiền Giang	20C1-CCK4	A		6,62	Trung bình	
104	20004518	Ngô Quang	Trường	Nam	29/9/2002	Long An	20C1-CCK4			5,90	Trung bình	
105	20005595	Nguy Vinh	An	Nam	17/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	7,07	Khá	
106	20004972	Lê Hoàng	Gia	Nam	15/01/2002	Thừa Thiên - Huế	20C1-CCK5	A		5,91	Trung bình	
107	20005009	Cao Tuấn	Kiệt	Nam	10/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	6,61	Trung bình	
108	20005112	Lê Hoàng Anh	Kiệt	Nam	13/8/2002	Long An	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	6,73	Trung bình	
109	20004909	Tăng Quốc	Kiệt	Nam	23/02/2000	Trà Vinh	20C1-CCK5	A		5,80	Trung bình	
110	20004807	Trần Ngọc	Lai	Nam	31/5/2002	Bình Định	20C1-CCK5			6,43	Trung bình	
111	20004828	Cao Khánh	Nam	Nam	28/10/2002	Đắk Lắk	20C1-CCK5			6,59	Trung bình	
112	20005127	Nguyễn Hoài	Phong	Nam	24/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	6,78	Trung bình	
113	20005114	Phan Thanh	Phong	Nam	08/3/2002	Long An	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	7,60	Khá	
114	20005058	Trần Minh	Quân	Nam	03/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	7,71	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
115	20005082	Nguyễn Văn	Quang	Nam	24/5/2002	Đắk Lắk	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	7,03	Khá	
116	20004940	Lê Chí	Thành	Nam	11/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK5			7,62	Khá	
117	20004770	Võ Minh	Thuận	Nam	20/12/2002	Tiền Giang	20C1-CCK5	A		7,47	Khá	
118	20004777	Nguyễn Tân	Tiến	Nam	12/02/2002	Đồng Nai	20C1-CCK5	A		7,21	Khá	
119	20005105	Trần Duy	Tính	Nam	13/10/2001	Bình Định	20C1-CCK5			6,35	Trung bình	
120	20005374	Trần Quốc	Toàn	Nam	29/8/2002	Bến Tre	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	6,48	Trung bình	
121	20005213	Võ Huỳnh Văn	Bửu	Nam	09/5/2002	Bình Thuận	20C1-CKL1	A	TOEIC 350	6,86	Trung bình	
122	20003313	Nguyễn Hữu	Dinh	Nam	27/01/2000	Cần Thơ	20C1-CKL1	A	TOEIC 350	6,98	Trung bình	
123	20006674	Nguyễn Nhật	Hào	Nam	20/5/2002	Trà Vinh	20C1-CKL1	A		7,17	Khá	
124	20003628	Nguyễn Huỳnh Trung	Kiên	Nam	15/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CKL1			6,56	Trung bình	
125	20005045	Nguyễn Phạm Trọng	Nhân	Nam	16/8/2002	Tiền Giang	20C1-CKL1	A		6,93	Trung bình	
126	20004531	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	30/10/2002	Tây Ninh	20C1-CKL1			6,63	Trung bình	
127	20005387	Nguyễn Thanh	Tân	Nam	07/12/2000	Ninh Thuận	20C1-CKL1			6,94	Trung bình	
128	20003752	Hồ Quốc	Thắng	Nam	09/5/2002	Thừa Thiên -Huế	20C1-CKL1			6,36	Trung bình	
129	20000790	Huỳnh Lâm Nhật	Tiến	Nam	31/5/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CKL1			7,03	Khá	
130	20005754	Nguyễn Việt	Anh	Nam	25/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CMT1			5,83	Trung bình	
131	20003894	Nguyễn Hồng	Công	Nam	06/3/2001	Bình Dương	20C1-CMT1			5,99	Trung bình	
132	20004017	Phạm Minh	Đạt	Nam	14/3/2002	Bình Định	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,52	Trung bình	
133	20004615	Trần Xuân	Lộc	Nam	25/4/2001	Quảng Ngãi	20C1-CMT1			5,94	Trung bình	
134	20004172	Tô Minh	Nhật	Nam	28/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CMT1			5,93	Trung bình	
135	20005230	Phạm Văn	An	Nam	19/7/2002	Thanh Hoá	20C1-CNL1	A		6,82	Trung bình	
136	20004035	Tăng Phước	An	Nam	13/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNL1	A		6,76	Trung bình	
137	20000533	Nguyễn Chín	Bình	Nam	28/9/2001	Bình Thuận	20C1-CNL1		TOEIC 350	6,60	Trung bình	
138	20003143	Huỳnh Tiến	Đạt	Nam	24/01/2002	Bến Tre	20C1-CNL1	A		6,66	Trung bình	
139	20003854	Đặng Nhật	Hào	Nam	17/3/2002	Tiền Giang	20C1-CNL1		TOEIC 350	7,24	Khá	
140	20004749	Dương Phú	Hào	Nam	25/4/2002	Kiên Giang	20C1-CNL1		TOEIC 350	6,75	Trung bình	
141	20003512	Lê Trọng	Hiếu	Nam	20/9/2002	Tiền Giang	20C1-CNL1		TOEIC 350	6,60	Trung bình	
142	20003098	Dương Xuân	Lộc	Nam	16/8/2002	Bến Tre	20C1-CNL1	A		6,78	Trung bình	
143	20004668	Trần Minh	Nhật	Nam	29/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNL1			6,20	Trung bình	
144	20002690	Phạm Công	Niên	Nam	02/6/1998	Bình Định	20C1-CNL1	A		8,44	Giỏi	
145	20004494	Nguyễn Thái	Quyết	Nam	27/02/2002	Thái Bình	20C1-CNL1	A		7,85	Khá	
146	20002674	Đặng Thái	Sơn	Nam	22/11/2002	Bình Phước	20C1-CNL1			6,77	Trung bình	
147	20004080	Phạm Tấn	Tài	Nam	26/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNL1			7,23	Khá	
148	20001429	Thân Trọng	Toàn	Nam	11/6/2001	Đắk Lắk	20C1-CNL1			6,42	Trung bình	
149	20004130	Nguyễn Minh	Trí	Nam	12/01/2002	Long An	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,63	Khá	
150	20002745	Phan	Tuấn	Nam	19/8/2002	Quảng Trị	20C1-CNL1		TOEIC 350	6,45	Trung bình	
151	20005088	Nguyễn Quang	Bình	Nam	07/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNL2	A		6,90	Trung bình	
152	20005216	Đỗ Văn Tiến	Đạt	Nam	05/9/2002	Tiền Giang	20C1-CNL2			6,59	Trung bình	
153	20005182	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	01/10/2002	Tiền Giang	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,97	Trung bình	
154	20004809	Lê Anh	Hào	Nam	12/01/2002	Bình Dương	20C1-CNL2			7,20	Khá	
155	20005083	Cao Bá	Khang	Nam	19/9/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNL2	A		7,14	Khá	
156	20005210	Đỗ Tuấn	Kiệt	Nam	05/6/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNL2			6,66	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
157	20005284	Trần Trung	Nghĩa	Nam	31/8/2002	Tiền Giang	20C1-CNL2	A		7,87	Khá	
158	20004962	Lê Thành	Nhân	Nam	02/6/2002	Bình Dương	20C1-CNL2	A		6,96	Trung bình	
159	20005442	Ngô Trương Nguyễn	Quỳnh	Nam	22/12/2002	Bình Phước	20C1-CNL2			6,83	Trung bình	
160	20006667	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	07/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNL2			6,42	Trung bình	
161	20001060	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	08/10/2002	Thái Bình	20C1-CNM1			7,61	Khá	
162	20004205	Bùi Thị Khánh	Ly	Nữ	10/4/2002	Bình Định	20C1-CNM1	A		7,40	Khá	
163	20003222	Đinh Ngọc Xuân	Mai	Nữ	03/6/2002	Đồng Nai	20C1-CNM1			8,15	Giỏi	
164	20005623	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	Nữ	27/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNM1	A		7,10	Khá	
165	20000168	Huỳnh	Đại	Nam	21/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1			6,15	Trung bình	
166	20000495	Nguyễn Thành	Đồng	Nam	29/6/2002	Phú Yên	20C1-CNÔ1	A		7,26	Khá	
167	20000854	Ngô Lê Quốc	Hùng	Nam	05/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1	A		6,62	Trung bình	
168	20000765	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	28/10/2001	Gia Lai	20C1-CNÔ1			7,37	Khá	
169	20000167	Võ Nhật	Huy	Nam	05/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1			7,19	Khá	
170	20000378	Lê Đình Minh	Khánh	Nam	14/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1	A		7,59	Khá	
171	20000129	Đào Minh	Long	Nam	29/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1	A		7,84	Khá	
172	20000365	Nguyễn Quang	Nhã	Nam	20/8/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ1			7,08	Khá	
173	20000799	Đoàn Trọng	Nhân	Nam	29/3/2001	Long An	20C1-CNÔ1			6,84	Trung bình	
174	20004150	Nguyễn Thuận	Phát	Nam	16/6/2002	Long An	20C1-CNÔ1			6,58	Trung bình	
175	20000800	Mã Tấn	Sang	Nam	29/9/2001	Long An	20C1-CNÔ1			6,96	Trung bình	
176	20000028	Nguyễn Xuân	Thắng	Nam	01/02/2001	Đồng Nai	20C1-CNÔ1			7,74	Khá	
177	20000778	Tạ Phúc	Thịnh	Nam	19/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,41	Khá	
178	20000100	Hoàng Văn	Thông	Nam	04/11/1988	Vĩnh Phúc	20C1-CNÔ1			7,63	Khá	
179	20003844	Lương Chí	Bảo	Nam	25/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ10			6,19	Trung bình	
180	20003714	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	17/7/2002	Long An	20C1-CNÔ10	A		6,47	Trung bình	
181	20003712	Nguyễn Linh	Đang	Nam	05/11/2001	Tiền Giang	20C1-CNÔ10			6,31	Trung bình	
182	20003715	Võ Văn Hải	Đang	Nam	19/9/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ10			6,62	Trung bình	
183	20003705	Phan Thanh	Hải	Nam	13/6/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ10	A		6,36	Trung bình	
184	20003840	Nguyễn Đình	Hiếu	Nam	09/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ10			6,78	Trung bình	
185	20003724	Nguyễn Quốc	Khương	Nam	27/5/2001	Long An	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,56	Trung bình	
186	20003723	Bùi Thế	Long	Nam	02/12/2002	Đồng Tháp	20C1-CNÔ10	A		6,82	Trung bình	
187	20003820	Phạm Trung	Nguyên	Nam	01/02/2002	Bình Định	20C1-CNÔ10	A		7,08	Khá	
188	20003812	Bùi Đình	Nhã	Nam	10/02/2002	Khánh Hoà	20C1-CNÔ10	A		6,50	Trung bình	
189	20003814	Trần Đình	Quốc	Nam	02/10/2002	Bình Định	20C1-CNÔ10	A		7,00	Khá	
190	20003819	Võ Ngọc	Quốc	Nam	26/10/2002	Bình Định	20C1-CNÔ10			6,85	Trung bình	
191	20003751	Lê Đặng Minh	Quyển	Nam	14/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ10			6,83	Trung bình	
192	20003804	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	13/11/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ10			6,37	Trung bình	
193	20003727	Dương Hoài	Tân	Nam	12/9/2002	Sóc Trăng	20C1-CNÔ10			6,50	Trung bình	
194	20003822	Nguyễn Công	Tân	Nam	14/6/2001	Tây Ninh	20C1-CNÔ10			6,58	Trung bình	
195	20003828	Nguyễn Văn	Thành	Nam	26/3/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ10	A		6,39	Trung bình	
196	20003784	Nguyễn Lê Trí	Trung	Nam	15/5/2001	Tây Ninh	20C1-CNÔ10	A		6,22	Trung bình	
197	20003769	Trần Minh	Trường	Nam	04/01/2001	Cà Mau	20C1-CNÔ10	A		7,07	Khá	
198	20003794	Lương Toàn	Tú	Nam	07/4/2002	Bình Định	20C1-CNÔ10			6,60	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
199	20003781	Nguyễn Văn	Tú	Nam	28/5/2002	An Giang	20C1-CNÔ10	A		7,49	Khá	
200	20003998	Đặng Tấn	Đạt	Nam	05/10/2001	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ11			6,79	Trung bình	
201	20004025	Trương Ngọc	Dương	Nam	28/3/2002	Bình Định	20C1-CNÔ11			6,18	Trung bình	
202	20003957	Nguyễn Đặng Thanh	Duy	Nam	30/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	6,69	Trung bình	
203	20003971	Nguyễn Hoàng Anh	Duy	Nam	31/8/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ11	A		6,54	Trung bình	
204	20004015	Lê Huy	Hoàng	Nam	05/01/2001	Bình Định	20C1-CNÔ11			6,06	Trung bình	
205	20003923	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	05/7/2001	Long An	20C1-CNÔ11			6,60	Trung bình	
206	20003990	Nguyễn Tuấn Anh	Kiệt	Nam	05/5/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ11		TOEIC 350	6,24	Trung bình	
207	20003921	Phan Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	15/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ11			6,57	Trung bình	
208	20003993	Võ Hoài	Linh	Nam	05/5/2002	Bình Định	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	6,89	Trung bình	
209	20003541	Bành Tấn	Lộc	Nam	09/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ11	A		6,02	Trung bình	
210	20004043	Nguyễn Ngọc	Long	Nam	14/4/2002	Bình Định	20C1-CNÔ11			6,51	Trung bình	
211	20003963	Nguyễn Phước	Mỹ	Nam	19/9/2001	Đồng Nai	20C1-CNÔ11			6,45	Trung bình	
212	20005259	Nguyễn Bảo	Ngoan	Nam	22/9/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ11			6,69	Trung bình	
213	20003929	Đỗ Quốc	Quốc	Nam	08/11/2002	Long An	20C1-CNÔ11			6,67	Trung bình	
214	20004016	Trần Ngọc	Tinh	Nam	08/7/2002	Thanh Hoá	20C1-CNÔ11	A		6,35	Trung bình	
215	20004039	Lê Tấn	Vinh	Nam	06/9/2001	Bình Định	20C1-CNÔ11			6,21	Trung bình	
216	20003970	Nguyễn Võ Thế	Vinh	Nam	23/11/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ11			6,45	Trung bình	
217	20003958	Bùi Thanh	Vương	Nam	02/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ11	A		6,36	Trung bình	
218	20004193	Nguyễn Thái	An	Nam	21/10/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ12	A		6,89	Trung bình	
219	20004067	Trần Hữu	An	Nam	30/11/2001	Bình Định	20C1-CNÔ12	A		6,53	Trung bình	
220	20004167	Cao Nguyễn Gia	Bảo	Nam	09/9/2001	Đắk Lắk	20C1-CNÔ12	A		6,00	Trung bình	
221	20004098	Nguyễn Đức	Duy	Nam	30/01/2001	Long An	20C1-CNÔ12			6,59	Trung bình	
222	20003174	Đỗ Hồ Trọng	Nghĩa	Nam	07/7/2002	Thanh Hoá	20C1-CNÔ12	A		7,23	Khá	
223	20004059	Ngô Thiên	Quang	Nam	29/5/2002	Cà Mau	20C1-CNÔ12			6,08	Trung bình	
224	20004126	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	25/01/2002	Long An	20C1-CNÔ12			6,30	Trung bình	
225	20004084	Trương Ngọc	Thoại	Nam	31/10/2002	Long An	20C1-CNÔ12			6,21	Trung bình	
226	20004114	Nguyễn Bảo	Toàn	Nam	01/5/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ12			6,07	Trung bình	
227	20004095	Bùi Quốc	Trọng	Nam	04/4/2002	Bình Dương	20C1-CNÔ12			6,48	Trung bình	
228	20004060	Nguyễn Công Anh	Tuấn	Nam	13/7/2002	Lâm Đồng	20C1-CNÔ12	A	TOEIC 350	6,52	Trung bình	
229	20004170	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	21/7/2002	Kon Tum	20C1-CNÔ12	A		6,72	Trung bình	
230	20004271	Thạch	Bảo	Nam	03/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ13		TOEIC 350	7,21	Khá	
231	20004269	Trần Cao	Bình	Nam	29/6/2002	Ninh Thuận	20C1-CNÔ13		TOEIC 350	6,36	Trung bình	
232	20004220	Tô Chí	Cường	Nam	12/4/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ13			6,25	Trung bình	
233	20004327	Nguyễn Khuyến	Du	Nam	02/02/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ13			6,22	Trung bình	
234	20004225	Lê Xuân	Giang	Nam	16/4/2002	Đắk Lắk	20C1-CNÔ13			7,21	Khá	
235	20004308	Nguyễn Quốc	Hải	Nam	02/3/2002	Kiên Giang	20C1-CNÔ13			6,80	Trung bình	
236	20003503	Nguyễn Ngọc	Hiếu	Nam	12/02/2002	Bình Phước	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	5,95	Trung bình	
237	20004298	Trần Văn	Hiếu	Nam	16/8/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ13			6,63	Trung bình	
238	20004249	Thân Trọng	Hợp	Nam	08/7/2002	Cần Thơ	20C1-CNÔ13			6,71	Trung bình	
239	20004286	Trần Thanh	Huy	Nam	03/11/2002	Kiên Giang	20C1-CNÔ13	A		7,56	Khá	
240	20004373	Mai Quốc	Khánh	Nam	31/8/2002	Long An	20C1-CNÔ13	A		6,95	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
241	20004376	Bùi Lê Đức	Lịch	Nam	29/3/2002	Bình Định	20C1-CNÔ13			6,05	Trung bình	
242	20004261	Ngô Trương Thanh	Lợi	Nam	18/8/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ13			6,29	Trung bình	
243	20004335	Hồ Phi	Long	Nam	30/9/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNÔ13			6,51	Trung bình	
244	20004246	Trần Minh	Luân	Nam	24/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	7,72	Khá	
245	20004289	Nguyễn Tấn Hoàng	Minh	Nam	07/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ13			6,03	Trung bình	
246	20004344	Lê Hồng	Phúc	Nam	05/01/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ13	A		6,57	Trung bình	
247	20004374	Nguyễn Lam	Son	Nam	26/10/2001	Lâm Đồng	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	7,41	Khá	
248	20004312	Lê Xuân	Tài	Nam	14/8/2002	Ninh Thuận	20C1-CNÔ13			5,51	Trung bình	
249	20004242	Ngô Hoàng	Thiện	Nam	14/01/2002	Long An	20C1-CNÔ13	A		6,88	Trung bình	
250	20004297	Phạm Xuân	Thịnh	Nam	31/01/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	6,59	Trung bình	
251	20004366	Văng Chí	Thông	Nam	18/3/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ13	A		7,43	Khá	
252	20004227	Trần Minh	Thuận	Nam	12/01/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ13			6,68	Trung bình	
253	20004257	Bùi Khắc	Triệu	Nam	11/02/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ13			6,24	Trung bình	
254	20004258	Nguyễn Đức	Trung	Nam	28/9/2002	Long An	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	6,22	Trung bình	
255	20004549	Bùi Hoàng	Anh	Nam	22/12/2002	Đắk Lắk	20C1-CNÔ14	A		6,67	Trung bình	
256	20004520	Huỳnh Gia	Bảo	Nam	02/02/2001	Đắk Lắk	20C1-CNÔ14	A		6,23	Trung bình	
257	20005568	Trần E	Đỗ	Nam	12/6/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ14	A		6,93	Trung bình	
258	20004775	Ong Nhật	Hào	Nam	17/3/2002	Kiên Giang	20C1-CNÔ14			7,14	Khá	
259	20004989	Ngô Đoàn Anh	Huy	Nam	07/11/2002	Lâm Đồng	20C1-CNÔ14	A		6,59	Trung bình	
260	20004528	Lê Chí	Khải	Nam	28/9/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ14	A		6,95	Trung bình	
261	20005203	Võ Anh	Kiệt	Nam	23/8/2002	Long An	20C1-CNÔ14	A		7,13	Khá	
262	20004415	Phạm Vũ	Linh	Nam	13/4/2001	Tây Ninh	20C1-CNÔ14	A		7,25	Khá	
263	20004422	Nguyễn Văn	Nam	Nam	04/3/2001	Thanh Hoá	20C1-CNÔ14			6,54	Trung bình	
264	20005043	Vũ Văn	Quân	Nam	19/8/1998	Gia Lai	20C1-CNÔ14	A		7,29	Khá	
265	20004819	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	09/3/1999	Bình Phước	20C1-CNÔ14	A		6,24	Trung bình	
266	20004381	Lê Hồ Đình	Thập	Nam	20/11/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ14	A		7,79	Khá	
267	20004873	Đặng Minh	Thống	Nam	22/02/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ14	A		6,84	Trung bình	
268	20002851	Phan Văn	Tiến	Nam	02/01/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ14	A		7,14	Khá	
269	20004384	Võ Trần	Trung	Nam	08/10/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ14	A		7,08	Khá	
270	20002033	Nguyễn Lê Thiên	Ân	Nam	23/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ2			6,59	Trung bình	
271	20002285	Lê Văn	Cơ	Nam	20/01/2001	Tây Ninh	20C1-CNÔ2			5,98	Trung bình	
272	20002227	Huỳnh Khánh	Duy	Nam	18/12/2002	Cà Mau	20C1-CNÔ2	A		6,75	Trung bình	
273	20001661	Phạm Thanh	Hiếu	Nam	25/02/2001	Long An	20C1-CNÔ2			6,60	Trung bình	
274	20001033	Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	09/01/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ2			6,70	Trung bình	
275	19002292	Nguyễn Minh	Khang	Nam	18/11/2001	Trà Vinh	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,37	Trung bình	
276	20002186	Đoàn Ngọc	Minh	Nam	11/9/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ2			6,99	Trung bình	
277	20001689	Trần Hữu	Nhân	Nam	31/10/2001	Bến Tre	20C1-CNÔ2			7,13	Khá	
278	20002106	Nguyễn Võ Duy	Phương	Nam	22/9/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ2		TOEIC 350	6,78	Trung bình	
279	20001093	Trần Trung	Thắng	Nam	13/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ2	A		6,91	Trung bình	
280	20001769	Hồ Thế	Vinh	Nam	18/01/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ2			6,62	Trung bình	
281	20001978	Tăng Khang	Vinh	Nam	16/3/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNÔ2			6,12	Trung bình	
282	20002513	Trương Bửu Minh	Đăng	Nam	01/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ3	A		6,63	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
283	20002470	Triệu Gia	Đạt	Nam	08/11/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ3			6,51	Trung bình	
284	20002498	Võ Tấn	Đạt	Nam	26/6/2002	Long An	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	6,83	Trung bình	
285	20002540	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	12/01/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ3	A		6,72	Trung bình	
286	20002430	Nguyễn Văn	Hòa	Nam	18/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ3	A		6,89	Trung bình	
287	20002412	Phạm Đức	Hùng	Nam	13/4/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ3	A		6,52	Trung bình	
288	20002374	Lê Văn	Khang	Nam	13/01/2002	Bạc Liêu	20C1-CNÔ3	A		7,09	Khá	
289	20002332	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	Nam	25/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	6,86	Trung bình	
290	20002372	Danh	Lộc	Nam	06/01/2002	Bạc Liêu	20C1-CNÔ3	A		6,62	Trung bình	
291	20002526	Nguyễn Hoàng	Nhật	Nam	19/11/2002	Bạc Liêu	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,48	Khá	
292	20002511	Nguyễn Tấn	Quá	Nam	10/12/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ3	A		6,61	Trung bình	
293	20002461	Quách Ngọc	Sang	Nam	16/9/2002	Bạc Liêu	20C1-CNÔ3			6,88	Trung bình	
294	20002336	Đỗ Phúc	Tài	Nam	05/9/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ3	A		6,36	Trung bình	
295	20002317	Nông Đình	Thư	Nam	05/5/2002	Đắk Lắk	20C1-CNÔ3	A		7,06	Khá	
296	20005418	Đỗ Anh	Văn	Nam	09/3/2002	Thái Bình	20C1-CNÔ3			6,45	Trung bình	
297	20002752	Hứa Kiến	Anh	Nam	19/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ4			6,51	Trung bình	
298	20002682	Nguyễn Hoàng	Bảo	Nam	11/5/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	7,04	Khá	
299	20002571	Phạm Hữu	Danh	Nam	13/7/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ4			6,65	Trung bình	
300	20002662	Nguyễn Minh	Đạt	Nam	01/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ4	A		7,31	Khá	
301	20002710	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	10/7/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ4			6,55	Trung bình	
302	20002716	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	02/01/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ4			6,35	Trung bình	
303	20002684	Huỳnh Đức	Duy	Nam	15/01/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ4			6,80	Trung bình	
304	20002757	Nguyễn Võ Anh	Hào	Nam	22/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ4	A		7,05	Khá	
305	20002642	Lê Phúc	Hậu	Nam	28/7/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ4	A		6,82	Trung bình	
306	20002691	Võ Thanh	Huy	Nam	23/4/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ4			6,60	Trung bình	
307	20002779	Nguyễn Quốc	Kiệt	Nam	12/11/2002	Đồng Tháp	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,62	Trung bình	
308	20002725	Nguyễn Hữu	Linh	Nam	18/7/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	7,04	Khá	
309	20002706	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	14/01/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ4		TOEIC 350	6,96	Trung bình	
310	20002620	Hoàng Ngọc	Lương	Nam	23/12/2002	Kiên Giang	20C1-CNÔ4		TOEIC 350	6,27	Trung bình	
311	20002665	Nguyễn Khắc	Nguyên	Nam	15/01/2002	Kiên Giang	20C1-CNÔ4			6,49	Trung bình	
312	20002686	Phạm Ngọc	Phát	Nam	11/10/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ4	A		6,26	Trung bình	
313	20002724	Nguyễn Châu	Sơn	Nam	04/7/2001	Bình Thuận	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,21	Trung bình	
314	20002720	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	15/8/2001	Bến Tre	20C1-CNÔ4		TOEIC 350	6,85	Trung bình	
315	20002592	Nguyễn Văn	Thành	Nam	04/5/2002	Long An	20C1-CNÔ4	A		7,06	Khá	
316	20002583	Bùi Hoàng	Thiện	Nam	23/01/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ4	A		6,62	Trung bình	
317	20002581	Trần Quốc	Thiện	Nam	28/5/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ4			6,29	Trung bình	
318	20002588	Nguyễn Thanh	Thuận	Nam	14/6/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ4			6,80	Trung bình	
319	20002584	Lê Minh	Trí	Nam	28/11/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ4		TOEIC 350	7,00	Khá	
320	20002657	Thạch Ngọc	Tuấn	Nam	01/8/2002	Trà Vinh	20C1-CNÔ4	A		6,81	Trung bình	
321	20002744	Hàng Chung	Vĩ	Nam	15/02/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ4	A		6,69	Trung bình	
322	20002773	Phạm Quốc	Danh	Nam	26/6/2001	Đồng Nai	20C1-CNÔ5	A		6,72	Trung bình	
323	20002884	Huỳnh Bá	Đạt	Nam	07/7/2002	Bạc Liêu	20C1-CNÔ5			6,28	Trung bình	
324	20002861	Đoàn Phương Nhật	Hào	Nam	08/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ5			6,61	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
325	20002911	Nguyễn Ngọc	Khang	Nam	06/01/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ5			6,23	Trung bình	
326	20002802	Nguyễn Trần Hoàng	Luân	Nam	19/9/2002	Khánh Hoà	20C1-CNÔ5	A		6,52	Trung bình	
327	20003689	Võ Hoàng	Nguyên	Nam	10/12/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ5	A		6,54	Trung bình	
328	20002943	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	12/9/2002	Cà Mau	20C1-CNÔ5	A		6,55	Trung bình	
329	20002966	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	30/9/2002	Bình Phước	20C1-CNÔ5			6,32	Trung bình	
330	20002826	Phạm Phước	Vĩnh	Nam	02/01/2002	Trà Vinh	20C1-CNÔ5	A		6,63	Trung bình	
331	20003021	Cao Thành	Đạt	Nam	03/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ6	A		6,77	Trung bình	
332	20003077	Trần Phương	Diệp	Nam	04/02/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ6			6,68	Trung bình	
333	20003211	Nguyễn Trần Ngọc Khánh	Duy	Nam	03/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ6			7,18	Khá	
334	20003208	Huỳnh Hoàng	Hiệp	Nam	09/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ6			7,00	Khá	
335	20003025	Phạm Mai	Hiếu	Nam	21/3/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	6,69	Trung bình	
336	20003108	Phan Trung	Hiếu	Nam	13/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ6		TOEIC 350	6,71	Trung bình	
337	20003047	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	19/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ6	A		7,25	Khá	
338	20003001	Phan Tài	Nhân	Nam	08/8/2002	Long An	20C1-CNÔ6		TOEIC 350	6,16	Trung bình	
339	20002998	Lê Trọng	Phúc	Nam	06/10/2002	Trà Vinh	20C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	7,01	Khá	
340	20003189	Bùi Ngọc Tứ	Quý	Nam	19/6/2001	An Giang	20C1-CNÔ6		TOEIC 350	6,99	Trung bình	
341	20003125	Phạm Minh	Thắng	Nam	27/8/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ6			7,37	Khá	
342	20003170	Trương Văn	Thông	Nam	14/4/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNÔ6	A		7,11	Khá	
343	20003157	Hồ Phước	Toàn	Nam	10/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ6		TOEIC 350	6,33	Trung bình	
344	20003028	Lê Nguyễn Minh	Trọng	Nam	08/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ6			6,81	Trung bình	
345	20003289	Đỗ Hoàng	Anh	Nam	03/8/2001	Đắk Lắk	20C1-CNÔ7			5,92	Trung bình	
346	20003370	Mai Văn	Cường	Nam	14/8/2002	Long An	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	7,49	Khá	
347	20003218	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	21/9/2000	Đồng Tháp	20C1-CNÔ7			6,48	Trung bình	
348	20003371	Coóng Nghiệp	Đạt	Nam	11/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	7,72	Khá	
349	20003332	Nguyễn Bùi Thành	Đạt	Nam	14/6/2002	Lâm Đồng	20C1-CNÔ7	A		6,49	Trung bình	
350	20003263	Nguyễn Hùng	Đạt	Nam	28/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ7			6,50	Trung bình	
351	20003351	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	13/12/2002	Phú Yên	20C1-CNÔ7			6,16	Trung bình	
352	20003368	Nguyễn Lâm Thái	Dương	Nam	21/10/2002	Vĩnh Long	20C1-CNÔ7			7,15	Khá	
353	20003412	Phan Thế	Hiển	Nam	02/6/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ7			6,48	Trung bình	
354	20003235	Lê Minh	Hiếu	Nam	14/02/2002	Long An	20C1-CNÔ7		TOEIC 350	6,00	Trung bình	
355	20003375	Dương Trung	Hòa	Nam	25/11/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	7,44	Khá	
356	20005855	Nguyễn Đức	Huy	Nam	30/6/1999	Tiền Giang	20C1-CNÔ7			6,05	Trung bình	
357	20003245	Huỳnh Đông	Kha	Nam	29/01/2002	Cà Mau	20C1-CNÔ7			6,76	Trung bình	
358	20003357	Nguyễn Hoàng	Kha	Nam	16/12/2001	Tây Ninh	20C1-CNÔ7			6,82	Trung bình	
359	20003264	Lê Duy	Khang	Nam	10/3/2002	Vĩnh Long	20C1-CNÔ7			6,42	Trung bình	
360	20003253	Nguyễn Trần Tấn	Lộc	Nam	11/12/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ7			6,38	Trung bình	
361	20003249	Dương Vĩnh	Phát	Nam	09/12/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ7	A		6,44	Trung bình	
362	20003401	Phù Nhật	Phi	Nam	04/6/2000	Cà Mau	20C1-CNÔ7			6,13	Trung bình	
363	20003307	Ngô Tấn	Tài	Nam	15/02/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ7	A		6,63	Trung bình	
364	20003338	Huỳnh Ngọc	Thắng	Nam	03/01/2002	Lâm Đồng	20C1-CNÔ7			6,02	Trung bình	
365	20003563	Điền Hoàng	Anh	Nam	06/4/2001	Bình Phước	20C1-CNÔ8	A		6,87	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
366	20003523	Nguyễn Văn	Ánh	Nam	25/8/2002	Bình Phước	20C1-CNÔ8	A		6,91	Trung bình	
367	20003592	Phạm Quốc	Khải	Nam	15/4/2002	Nam Định	20C1-CNÔ8	A		6,40	Trung bình	
368	20003446	Phan Lê	Kiên	Nam	07/7/2002	Lâm Đồng	20C1-CNÔ8	A		6,51	Trung bình	
369	20003499	Đoàn Hoàng	Nam	Nam	19/4/2002	Đồng Tháp	20C1-CNÔ8	A		6,16	Trung bình	
370	20003442	Nguyễn Hoàng	Nhi	Nam	07/8/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ8	A		6,54	Trung bình	
371	20003379	Phan Văn	Phương	Nam	14/5/2002	Bình Phước	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,43	Trung bình	
372	20003520	Tăng Ngọc	Son	Nam	18/8/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ8			6,73	Trung bình	
373	20003419	Nguyễn Vĩnh	Thái	Nam	27/8/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ8	A		6,21	Trung bình	
374	20003529	Tăng Trí	Thành	Nam	22/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,73	Trung bình	
375	20003459	Phạm Minh	Thuận	Nam	19/01/2001	Tiền Giang	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,79	Trung bình	
376	20003491	Rơ Ông Ha	Tim	Nam	30/7/2001	Lâm Đồng	20C1-CNÔ8			6,64	Trung bình	
377	20003562	Phạm Văn	Toán	Nam	04/11/2001	Bình Định	20C1-CNÔ8	A		6,31	Trung bình	
378	20003524	Trần Đức	Toàn	Nam	11/11/2002	Đắk Lắk	20C1-CNÔ8	A		7,02	Khá	
379	20003482	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	04/6/2001	Tiền Giang	20C1-CNÔ8	A		6,10	Trung bình	
380	20003423	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	18/9/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ8			7,00	Khá	
381	20003420	Đặng Khánh	Văn	Nam	24/5/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ8	A		6,76	Trung bình	
382	20003489	Lưu Nhật	Vinh	Nam	06/12/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ8	A		6,45	Trung bình	
383	20003455	Phan Tuấn	Vũ	Nam	25/7/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ8	A		6,65	Trung bình	
384	20003430	Trịnh Viết Tài	Anh	Nam	04/12/2002	Thanh Hoá	20C1-CNÔ9	A		6,61	Trung bình	
385	20003621	Tào Thanh	Bình	Nam	06/4/2001	Gia Lai	20C1-CNÔ9			6,33	Trung bình	
386	20003905	Dương Thành	Đạt	Nam	13/8/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ9			6,70	Trung bình	
387	20003683	Phạm Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	28/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ9			6,72	Trung bình	
388	20003605	Nguyễn Thanh	Đô	Nam	05/5/2002	Bình Định	20C1-CNÔ9	A		6,56	Trung bình	
389	20003694	Lê Văn	Hà	Nam	18/11/2002	Thái Bình	20C1-CNÔ9	A		6,56	Trung bình	
390	20003626	Vũ Ngọc	Hiếu	Nam	10/4/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ9	A		6,14	Trung bình	
391	20003662	Huỳnh Phạm Nhật	Huy	Nam	04/9/2001	Bến Tre	20C1-CNÔ9	A		6,63	Trung bình	
392	20003659	Nguyễn Văn Khắc	Huy	Nam	03/02/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ9			6,40	Trung bình	
393	20003684	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	19/02/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	7,07	Khá	
394	20003685	Nguyễn Thành	Lộc	Nam	09/8/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ9	A		6,40	Trung bình	
395	20003601	Nguyễn Quốc	Nam	Nam	12/11/2000	Cà Mau	20C1-CNÔ9	A		6,49	Trung bình	
396	20003637	Lê Thành	Nhân	Nam	22/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ9	A		7,12	Khá	
397	20004210	Lư Minh	Phát	Nam	18/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ9	A		6,76	Trung bình	
398	20003624	Lâm Thanh	Phước	Nam	08/7/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ9	A		6,37	Trung bình	
399	20003682	Vũ	Trường	Nam	04/02/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ9	A		6,55	Trung bình	
400	20003608	Bùi Trần Anh	Tuấn	Nam	20/7/2000	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ9			6,35	Trung bình	
401	20003643	Bùi Trương Thế	Vĩ	Nam	28/6/2001	Gia Lai	20C1-CNÔ9	A		6,21	Trung bình	
402	20003888	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	12/10/2002	Bình Phước	20C1-CNÔ9	A		6,99	Trung bình	
403	20004214	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	03/11/2000	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ9	A		7,03	Khá	
404	20005014	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	17/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTK1	A		7,23	Khá	
405	20004570	Huỳnh Tấn	Phúc	Nam	19/02/2002	Tiền Giang	20C1-CTM1			6,29	Trung bình	
406	20003250	Lê Văn	Sang	Nam	20/10/2002	Long An	20C1-CTM1	A		6,68	Trung bình	
407	20003086	Nguyễn Thanh	Việt	Nam	02/02/2002	Đồng Nai	20C1-CTM1	A		6,73	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
408	20004935	Nguyễn Hữu	Chấn	Nam	26/4/2002	Quảng Nam	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	6,39	Trung bình	
409	20004042	Lê Minh	Cường	Nam	02/5/2002	Quảng Ngãi	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	7,03	Khá	
410	20004964	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	30/3/2002	Phú Yên	20C1-CTM2	A		6,54	Trung bình	
411	20004653	Tô Minh	Khôi	Nam	03/11/2002	Vĩnh Long	20C1-CTM2	A		8,00	Giỏi	
412	20005008	Lê Sĩ	Mẫn	Nam	01/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	7,58	Khá	
413	20005306	Phạm Minh	Tân	Nam	30/3/2002	Tiền Giang	20C1-CTM2	A		6,56	Trung bình	
414	20005416	Phạm Xuân	Thành	Nam	14/5/2002	Đắk Lắk	20C1-CTM2		TOEIC 350	6,58	Trung bình	
415	20005591	Võ Tiến	Thành	Nam	04/3/2002	Tây Ninh	20C1-CTM2	A		6,94	Trung bình	
416	20005191	Đỗ Xuân	Thảo	Nam	31/3/2001	Bắc Ninh	20C1-CTM2	A		6,29	Trung bình	
417	20005412	Phan Minh	Tính	Nam	08/02/2002	Tây Ninh	20C1-CTM2	A		6,51	Trung bình	
418	20004966	Nguyễn Phúc	Toàn	Nam	17/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM2	A		6,14	Trung bình	
419	20005500	Trần Gia	Bảo	Nam	15/8/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CTM3			5,98	Trung bình	
420	20005747	Phan Danh	Cao	Nam	10/02/2002	Bình Dương	20C1-CTM3		TOEIC 350	6,26	Trung bình	
421	20005481	Phạm Trường	Dũng	Nam	04/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM3			6,49	Trung bình	
422	20005724	Phạm Quang	Hưng	Nam	18/12/2002	Tây Ninh	20C1-CTM3	A	TOEIC 350	6,38	Trung bình	
423	20005603	Phan Nguyễn Tuấn	Hưng	Nam	17/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM3	A		6,45	Trung bình	
424	20005862	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	29/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM3			7,84	Khá	
425	20005829	Nguyễn Võ Trọng	Nghĩa	Nam	30/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM3		TOEIC 350	5,84	Trung bình	
426	20005452	Võ Văn	Tập	Nam	20/9/2002	Quảng Ngãi	20C1-CTM3			6,73	Trung bình	
427	20005031	Cao Nguyễn Nhật	Hào	Nam	09/9/2002	Bình Phước	20C1-ĐCN1			6,33	Trung bình	
428	20004691	Mai Văn	Hiệp	Nam	28/02/2002	Đắk Lắk	20C1-ĐCN1	A		5,69	Trung bình	
429	20003314	Nguyễn Khắc	Huy	Nam	29/6/2002	Bình Định	20C1-ĐCN1		TOEIC 350	6,11	Trung bình	
430	20003707	Phạm Trung	Nguyên	Nam	24/10/2002	Quảng Ngãi	20C1-ĐCN1	A		6,58	Trung bình	
431	20003919	Huỳnh Duy	Phước	Nam	26/01/2002	Long An	20C1-ĐCN1			5,57	Trung bình	
432	20005774	Trần Tiến	Đạt	Nam	28/11/2002	Kiên Giang	20C1-ĐCN2			6,70	Trung bình	
433	20005517	Phù Thanh	Sắc	Nam	22/9/2002	Quảng Ngãi	20C1-ĐCN2			6,05	Trung bình	
434	20004640	Văn Thành	Thắng	Nam	25/12/2001	Bình Định	20C1-ĐCN2			5,92	Trung bình	
435	20004719	Nguyễn Minh	Vương	Nam	31/12/2002	Long An	20C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	5,97	Trung bình	
436	20002949	Lê Thái	Bảo	Nam	04/3/2002	An Giang	20C1-ĐĐT1			6,38	Trung bình	
437	20002224	Trần Đình	Bảo	Nam	30/6/2002	Tiền Giang	20C1-ĐĐT1			6,21	Trung bình	
438	20006749	Phạm Tiến	Đạt	Nam	22/01/1997	Đắk Lắk	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	7,46	Khá	
439	20004667	Nguyễn Tiến	Diên	Nam	25/5/2002	Quảng Bình	20C1-ĐĐT1	A		6,09	Trung bình	
440	20002922	Triệu Văn	Đức	Nam	10/7/2002	Bình Phước	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,23	Trung bình	
441	20004810	Trần Huỳnh Trung	Dũng	Nam	27/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐĐT1	A		6,64	Trung bình	
442	20004774	Lý Hoài	Hận	Nam	23/3/2001	Cà Mau	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,25	Trung bình	
443	20000376	Đỗ Đức	Hạnh	Nam	16/10/1999	Kiên Giang	20C1-ĐĐT1	A		6,69	Trung bình	
444	20004089	Nguyễn Phước	Hiệp	Nam	02/4/2002	Bình Thuận	20C1-ĐĐT1			6,61	Trung bình	
445	20004034	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	04/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,31	Trung bình	
446	20003466	Huỳnh Thế	Nguyên	Nam	16/5/2002	Gia Lai	20C1-ĐĐT1	A		6,78	Trung bình	
447	20002147	Ngô Nguyễn Hoàng	Nguyên	Nam	10/02/2002	Đồng Nai	20C1-ĐĐT1	A		6,83	Trung bình	
448	20002927	Đỗ Như	Phi	Nam	26/4/2002	Bắc Ninh	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	7,28	Khá	
449	20001291	Nguyễn Trí	Thức	Nam	10/4/1998	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐĐT1	A		7,11	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
450	20003851	Lê Quang	Trường	Nam	27/01/2001	Lâm Đồng	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	7,40	Khá	
451	20000152	Trần Văn	Trường	Nam	13/11/2001	Nam Định	20C1-ĐĐT1	A		7,17	Khá	
452	20004672	Trần Đình Minh	Vượng	Nam	29/8/2002	Bình Phước	20C1-ĐĐT1			6,74	Trung bình	
453	20004849	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	14/10/2002	Trà Vinh	20C1-ĐĐT2		TOEIC 350	6,54	Trung bình	
454	20005353	Giang Tuấn	Kiệt	Nam	11/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐĐT2	A		6,46	Trung bình	
455	20003754	Lê Văn	Mạnh	Nam	07/9/2002	Bình Định	20C1-ĐĐT2	A		6,38	Trung bình	
456	20005161	Nguyễn Khắc	Nam	Nam	07/5/2002	Hà Nội	20C1-ĐĐT2	A		7,04	Khá	
457	20005777	Trương Văn	Phú	Nam	03/6/1996	Quảng Nam	20C1-ĐĐT2		TOEIC 350	6,51	Trung bình	
458	18005491	Đan Chí Phúc	Thiện	Nam	27/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐĐT2	A		8,17	Khá	Thi lại: Giáo dục chính trị
459	20005352	Phạm Văn	Vương	Nam	18/4/2002	Quảng Nam	20C1-ĐĐT2			6,60	Trung bình	
460	20005746	Lâm Văn	Cường	Nam	05/10/2002	Đồng Nai	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	7,64	Khá	
461	20005553	Trương Thành	Đạt	Nam	28/5/2002	Quảng Ngãi	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	7,26	Khá	
462	20003521	Trương Thế	Hiên	Nam	19/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐHĐ1			7,23	Khá	
463	20005798	Đỗ Khánh	Huyền	Nữ	03/9/2002	Hải Dương	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	8,15	Giỏi	
464	20002546	Lương Nhật	Phi	Nam	10/3/2002	Tiền Giang	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	7,06	Khá	
465	20004609	Nguyễn Công	Tạo	Nam	20/3/2002	Long An	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	7,08	Khá	
466	20004003	Phan Ngọc	Tây	Nam	21/9/2002	Bình Định	20C1-ĐHĐ1			7,07	Khá	
467	20004294	Lê	Thanh	Nam	24/01/2002	Tây Ninh	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	6,82	Trung bình	
468	20002707	Nguyễn Cao Minh	Thành	Nam	26/9/2002	Tiền Giang	20C1-ĐHĐ1			7,06	Khá	
469	20005177	Đặng Thị Nguyễn	Thảo	Nữ	20/02/2002	Đồng Nai	20C1-ĐHĐ1			7,28	Khá	
470	20000494	Lư Sùng	Tiến	Nam	17/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐHĐ1			7,44	Khá	
471	20004027	Nguyễn Nhật	Tiến	Nam	07/12/2002	Bình Định	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	6,73	Trung bình	
472	20002695	Vũ Minh	Tiến	Nam	28/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐHĐ1			7,58	Khá	
473	20002680	Nguyễn Phước	Tính	Nam	02/3/2002	Bình Phước	20C1-ĐHĐ1		TOEIC 350	6,99	Trung bình	
474	20005042	Đỗ Quỳnh	Trang	Nữ	10/01/2002	Hưng Yên	20C1-ĐHĐ1			7,86	Khá	
475	20005643	Trần Văn	Triệu	Nam	21/10/2002	Hà Nội	20C1-ĐHĐ1			7,32	Khá	
476	20004457	Lê Anh	Hào	Nam	29/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KLB1			7,00	Khá	
477	20003636	Nguyễn Văn	An	Nam	25/8/2002	Quảng Ngãi	20C1-KML1			7,25	Khá	
478	20004546	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	02/5/2001	Thanh Hoá	20C1-KML1	A		6,78	Trung bình	
479	20002488	Lê Thiên	Bảo	Nam	03/7/2002	Bến Tre	20C1-KML1	A		6,96	Trung bình	
480	20004392	Trần Thiên	Hoàng	Nam	02/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KML1			6,56	Trung bình	
481	20003547	Đặng Phước	Lộc	Nam	29/7/2002	Long An	20C1-KML1	A		6,98	Trung bình	
482	20002970	Nguyễn Thành	Luật	Nam	03/12/2002	Long An	20C1-KML1			6,59	Trung bình	
483	20004906	Võ Văn	Nhật	Nam	26/3/2002	Đắk Lắk	20C1-KML1	A		7,09	Khá	
484	20004731	Nguyễn Thanh	Sơn	Nam	25/11/2002	Kiên Giang	20C1-KML1	A		7,06	Khá	
485	20002777	Trần Văn	Tây	Nam	02/3/2002	Gia Lai	20C1-KML1	A		6,82	Trung bình	
486	20004451	Lê Thành	Thật	Nam	19/8/2002	Bến Tre	20C1-KML1			6,27	Trung bình	
487	20005397	Thái Sĩ	Đặng	Nam	19/12/2001	Kiên Giang	20C1-KML2			5,77	Trung bình	
488	20005529	Bùi Văn	Đô	Nam	15/10/2002	Đắk Lắk	20C1-KML2	A		6,50	Trung bình	
489	20004591	Nguyễn Trí	Đức	Nam	13/7/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-KML2		TOEIC 350	6,40	Trung bình	
490	20004092	Lê Chí	Hải	Nam	22/5/2002	Long An	20C1-KML2	A	TOEIC 350	6,52	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
491	20004102	Lê Quốc	Hưng	Nam	24/3/2002	Long An	20C1-KML2	A	TOEIC 350	5,92	Trung bình	
492	20005363	Võ Văn	Huynh	Nam	05/01/2001	Thừa Thiên -Huế	20C1-KML2			6,51	Trung bình	
493	20005285	Lê Thanh	Luân	Nam	09/7/2002	Quảng Ngãi	20C1-KML2	A	TOEIC 350	6,72	Trung bình	
494	20005107	Lê	Mỹ	Nam	26/3/2000	Đắk Lắk	20C1-KML2	A		6,19	Trung bình	
495	20005331	Lê Hoàng	Phúc	Nam	27/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KML2	A		6,33	Trung bình	
496	20005145	Nguyễn Thanh	Tân	Nam	23/6/2002	Bến Tre	20C1-KML2	A	TOEIC 350	5,98	Trung bình	
497	20004434	Phạm Thị Nhi	Hậu	Nữ	15/8/2002	Quảng Ngãi	20C1-KTD1			7,05	Khá	
498	20004544	Cao Thị Ngọc	Lan	Nữ	25/4/2001	Thanh Hoá	20C1-KTD1	A		6,68	Trung bình	
499	20003744	Nguyễn Lê Minh	Thư	Nữ	14/10/2002	Đồng Nai	20C1-KTD1	A		6,59	Trung bình	
500	20004688	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	26/8/2001	Bình Định	20C1-KTD1	A		6,71	Trung bình	
501	20003337	Đào Thị Như	Yến	Nữ	18/8/2002	Bình Thuận	20C1-KTD1			6,60	Trung bình	
502	20004467	Nguyễn Hồng	Bào	Nam	05/8/2002	Bình Định	20C1-KXD1	A	TOEIC 350	5,95	Trung bình	
503	20004752	Võ Văn	Hào	Nam	06/02/2002	Bình Định	20C1-KXD1			6,10	Trung bình	
504	20003156	Lê	Quan	Nam	13/10/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-KXD1	A		6,00	Trung bình	
505	20004644	Nguyễn Nhật	Thành	Nam	11/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KXD1			5,57	Trung bình	
506	20004161	Trần Văn	Thành	Nam	31/8/2002	Quảng Nam	20C1-KXD1	A		6,19	Trung bình	
507	20004348	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	01/3/2002	Đồng Nai	20C1-LGT1	A		6,40	Trung bình	
508	20004142	Nguyễn Huỳnh Nhật	Hoàng	Nam	15/3/2002	Bến Tre	20C1-LTM1		TOEIC 350	6,73	Trung bình	
509	20004351	Lê Hoàng	Hưng	Nam	24/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM1			6,31	Trung bình	
510	20003640	Lương Nhật	Nam	Nam	10/01/2002	An Giang	20C1-LTM1			6,18	Trung bình	
511	20003241	Trần Hùng Hải	Nguyên	Nam	13/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM1			7,25	Khá	
512	20004669	Trần Trường	Nhật	Nam	23/9/2002	Kiên Giang	20C1-LTM1			7,01	Khá	
513	20000351	Lưu Thuận	Phát	Nam	14/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM1			7,39	Khá	
514	20004507	Trần Ngọc	Phổ	Nam	02/5/2002	Ninh Thuận	20C1-LTM1		TOEIC 350	6,46	Trung bình	
515	20003965	Huỳnh An	Quốc	Nam	13/02/2000	Cà Mau	20C1-LTM1		TOEIC 350	6,29	Trung bình	
516	20003966	Trần Kim	Thoại	Nam	26/6/2000	Cà Mau	20C1-LTM1			6,30	Trung bình	
517	20000333	Phan Huỳnh	Tuyền	Nam	10/11/2002	Bến Tre	20C1-LTM1			6,58	Trung bình	
518	20005831	Phạm Minh	Hậu	Nam	10/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2		TOEIC 350	6,54	Trung bình	
519	20006732	Phùng Minh	Hiếu	Nam	22/9/2002	Hải Phòng	20C1-LTM2			7,08	Khá	
520	20005713	Hoàng Thiên Bảo	Khánh	Nam	26/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2		TOEIC 350	6,54	Trung bình	
521	20005619	Nguyễn Hoàng Nhật	Nam	Nam	17/4/2002	Bình Thuận	20C1-LTM2		TOEIC 350	6,27	Trung bình	
522	20005785	Lê Duy	Quang	Nam	17/5/2002	Thanh Hoá	20C1-LTM2			6,15	Trung bình	
523	20005796	Nguyễn Trung	Tân	Nam	26/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2			7,11	Khá	
524	20004627	Nguyễn	Thắng	Nam	12/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2		TOEIC 350	6,64	Trung bình	
525	20005739	Đặng Ngọc	Thanh	Nam	01/9/2001	Trà Vinh	20C1-LTM2		TOEIC 350	7,30	Khá	
526	20005312	Nguyễn Quốc	Tiến	Nam	27/11/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-LTM2			5,97	Trung bình	
527	20001380	Nguyễn Hải	Hà	Nữ	03/5/2000	Quảng Bình	20C1-NNA1			8,26	Khá	HL Đọc
528	20000699	Phạm Minh	Tân	Nam	12/10/1988	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1	A		7,98	Khá	
529	20000002	Huỳnh Kiến	Tường	Nam	27/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1		Chứng chỉ Tiếng Nhật	6,59	Trung bình	
530	20004958	Mai Chấn	Cường	Nam	18/6/2002	Gia Lai	20C1-QKS1			7,37	Khá	
531	20002539	Trần Quốc	Trí	Nam	29/8/2001	Bến Tre	20C1-QKS1			7,72	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
532	20005057	Nguyễn Phương Thảo	Nguyễn	Nữ	29/6/2002	Vĩnh Long	20C1-QNH1			8,19	Giỏi	
533	20006658	Tăng Ngọc	Anh	Nữ	27/01/2002	Bạc Liêu	20C1-QTD1	A		6,73	Trung bình	
534	20004742	Đông Trần Quốc	Dũng	Nam	12/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTD1			6,48	Trung bình	
535	20006752	Trần Văn	Hiệp	Nam	03/7/2002	Đắk Lắk	20C1-QTD1	A		7,10	Khá	
536	20004711	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	22/10/2002	Bình Định	20C1-QTD1	A		6,97	Trung bình	
537	20005341	Trần Thị My	My	Nữ	06/6/2002	Lâm Đồng	20C1-QTD1	A		6,47	Trung bình	
538	20000663	Phạm Đặng Huỳnh	Như	Nữ	26/01/2002	Bến Tre	20C1-QTD1	A		6,86	Trung bình	
539	20002600	Nguyễn Đức	Chiến	Nam	25/11/2002	Phú Yên	20C1-QTM1			5,99	Trung bình	
540	20005152	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	01/01/2002	Long An	20C1-QTM1			6,24	Trung bình	
541	20005837	Võ Anh	Tài	Nam	29/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTM1			7,71	Khá	
542	20004611	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	10/5/2002	Kiên Giang	20C1-QTM1			6,20	Trung bình	
543	20003829	Đinh Vũ Minh	Toàn	Nam	05/9/2002	Long An	20C1-QTM1			6,39	Trung bình	
544	20004533	Vương Trần	Vũ	Nam	01/11/2001	Bình Định	20C1-QXD1	A		6,59	Trung bình	
545	20003396	Nguyễn Thái Trung	Hậu	Nam	06/3/2002	Tây Ninh	20C1-TĐH1			6,26	Trung bình	
546	20002277	Lê Phước	Thành	Nam	01/6/2002	Long An	20C1-TĐH1	A		6,06	Trung bình	
547	20005167	Phan Trung	Hiếu	Nam	22/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TĐH2			6,35	Trung bình	
548	20005169	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	02/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TĐH2	A		6,14	Trung bình	
549	20005494	Đinh Xuân	Tài	Nam	12/5/2002	Đắk Lắk	20C1-TĐH2			6,01	Trung bình	
550	20003839	Trần Thị Mỹ	Hoa	Nữ	08/9/2002	Bình Định	20C1-TKĐ1			7,09	Khá	
551	20000230	Đỗ Xuân Hậu	Nhân	Nam	24/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ1		TOEIC 350	7,36	Khá	
552	20003386	Vòng Gia	Tuấn	Nam	20/3/2002	Đồng Nai	20C1-TKĐ1			7,10	Khá	
553	20005257	Trần Quốc	Anh	Nam	24/01/2001	Đồng Tháp	20C1-TKĐ2			6,80	Trung bình	
554	20004861	Nguyễn Phi	Hoàng	Nam	02/5/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ2			8,28	Giỏi	
555	20004998	Thân Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/8/1999	Đồng Nai	20C1-TKĐ2			7,38	Khá	
556	20004569	Hoàng Duy	Khiêm	Nam	12/01/2001	Bình Thuận	20C1-TKĐ2			6,96	Trung bình	
557	20004236	Nguyễn Hồng	Lực	Nam	01/6/2001	Bình Thuận	20C1-TKĐ2			7,05	Khá	
558	20004524	Nguyễn Duy	Nguyễn	Nam	27/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ2			7,19	Khá	
559	20005323	Lê Phước	Thắng	Nam	19/7/2002	Gia Lai	20C1-TKĐ2			7,35	Khá	
560	20004997	Nguyễn Châu	Thanh	Nam	18/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ2			6,82	Trung bình	
561	20005506	Nguyễn Trung	Tín	Nam	04/01/2002	Tây Ninh	20C1-TKĐ2			6,98	Trung bình	
562	20004922	Nguyễn Đức	Tùng	Nam	04/9/2002	Quảng Nam	20C1-TKĐ2			7,14	Khá	
563	20003339	Trần Quang Nhật	Lam	Nam	25/01/1998	Đồng Nai	20C1-TKW1			7,62	Khá	
564	20004322	Lê Thanh	Quốc	Nam	18/4/2002	An Giang	20C1-TKW1			6,37	Trung bình	
565	20003498	Nguyễn Văn	Thời	Nam	10/6/2002	Đồng Nai	20C1-TKW1			7,35	Khá	
566	20005215	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	06/02/2001	Tây Ninh	20C1-TKW1			6,81	Trung bình	
567	20003797	Lê Thị Thúy	Vy	Nữ	25/8/2002	Long An	20C1-TKW1		TOEIC 350	6,71	Trung bình	
568	20005002	Liêu Hồ Vũ	Khánh	Nam	13/8/1998	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TMĐ1			7,25	Khá	
569	20003166	Ngô Nhật	Huy	Nam	06/6/2002	Tiền Giang	20C1-VSL1			6,38	Trung bình	
570	20003298	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	07/9/2000	Long An	20C1-VSL1			5,99	Trung bình	
571	20005160	Trần Công	Danh	Nam	05/9/2002	Long An	20C1-VSL2	A		6,23	Trung bình	
572	20005326	Tạ Hoàng	Giang	Nam	24/02/2002	Long An	20C1-VSL2			6,34	Trung bình	
573	20005116	Phạm Minh	Quý	Nam	08/6/2002	Đồng Nai	20C1-VSL2	A		6,20	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
574	20004330	Lê Trường	An	Nam	07/02/2002	Long An	20C3-CCK1	IC3		7,42	Khá	
575	20005164	Trần Bùi Thái	Châu	Nam	23/02/2002	Đồng Nai	20C3-CCK1			7,19	Khá	
576	20005007	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	24/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CCK1			7,85	Khá	
577	20002660	Phạm Quốc	Huy	Nam	05/01/2002	Long An	20C3-CCK1			7,35	Khá	
578	20003702	Nguyễn Lữ Hoàng	Linh	Nam	07/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CCK1			7,40	Khá	
579	20000525	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	27/12/2002	Bến Tre	20C3-CCK1			7,87	Khá	
580	20000521	Lê Hồng	Phong	Nam	29/6/2002	Bến Tre	20C3-CCK1			7,49	Khá	
581	20005772	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	03/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CCK1			7,44	Khá	
582	20003890	Nguyễn Lâm Vạn	Phúc	Nam	07/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CCK1	IC3	TOEIC 400	7,09	Khá	
583	20003219	Lê Trọng	Quyền	Nam	24/3/2002	Long An	20C3-CCK1	IC3	TOEIC 400	7,28	Khá	
584	20004110	Đặng Thanh	Thiện	Nam	30/7/1999	Đắk Lắk	20C3-CCK1	IC3	TOEIC 400	7,54	Khá	
585	20003306	Lâm Gia	Bảo	Nam	18/3/2002	An Giang	20C3-CNÔ1			6,80	Trung bình	
586	20002889	Phạm Ngọc	Hưng	Nam	16/02/2002	Lâm Đồng	20C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	7,69	Khá	
587	20000251	Sung Khang	Huy	Nam	07/5/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ1			6,47	Trung bình	
588	20003435	Nguyễn Lê Vĩ	Khang	Nam	22/9/2002	Đồng Tháp	20C3-CNÔ1			6,98	Trung bình	
589	20003410	Huỳnh Ngọc Quốc	Khánh	Nam	07/02/2002	Đồng Tháp	20C3-CNÔ1			7,56	Khá	
590	20000032	Lê Văn	Ký	Nam	24/5/2001	Tây Ninh	20C3-CNÔ1			6,90	Trung bình	
591	20002721	Quách Tấn	Lợi	Nam	17/10/2002	Sóc Trăng	20C3-CNÔ1			6,70	Trung bình	
592	20000254	Lê Phan Vũ	Luân	Nam	09/5/2001	Bình Thuận	20C3-CNÔ1	A		7,67	Khá	
593	20000292	Phan Ngọc	Nhân	Nam	22/8/2002	An Giang	20C3-CNÔ1	IC3		6,97	Trung bình	
594	20003052	Nguyễn Văn	Quân	Nam	10/8/2002	An Giang	20C3-CNÔ1	A		6,94	Trung bình	
595	20003053	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	08/3/2002	An Giang	20C3-CNÔ1	A		7,85	Khá	
596	20002536	Phạm Thanh	Sang	Nam	13/6/2002	Bến Tre	20C3-CNÔ1			6,60	Trung bình	
597	20002328	Nguyễn Việt	Thành	Nam	27/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ1	A		6,73	Trung bình	
598	20002678	Võ Đức	Văn	Nam	21/11/2002	Hà Tĩnh	20C3-CNÔ1	A		7,43	Khá	
599	20005085	Nguyễn Xuân	Ẩn	Nam	03/02/2002	Bình Thuận	20C3-CNÔ2	IC3		6,73	Trung bình	
600	20003566	Lê Duy	Anh	Nam	12/12/2002	Đồng Nai	20C3-CNÔ2	A		7,40	Khá	
601	20003997	Nguyễn Chí	Bảo	Nam	14/10/2002	Bến Tre	20C3-CNÔ2	A		7,29	Khá	
602	20003871	Lê Văn	Đầy	Nam	28/4/2002	An Giang	20C3-CNÔ2	A		7,45	Khá	
603	20004050	Ngô Xuân	Đức	Nam	17/10/2002	Bình Định	20C3-CNÔ2	IC3		7,32	Khá	
604	20004301	Nguyễn Hoàng	Hiếu	Nam	20/10/2002	Long An	20C3-CNÔ2			6,92	Trung bình	
605	20004365	Phạm Quốc	Huy	Nam	15/9/2001	An Giang	20C3-CNÔ2	IC3		7,45	Khá	
606	20004343	Dương Hữu	Kha	Nam	28/4/2002	Tiền Giang	20C3-CNÔ2	IC3		6,79	Trung bình	
607	20004176	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	18/5/2002	Tiền Giang	20C3-CNÔ2			6,74	Trung bình	
608	20004184	Trần Đăng	Khoa	Nam	23/01/2002	Đồng Tháp	20C3-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	7,72	Khá	
609	20002652	Nguyễn Hữu	Luân	Nam	08/9/2002	Tiền Giang	20C3-CNÔ2	IC3		7,78	Khá	
610	20004052	Nguyễn Đa	Năng	Nam	10/12/2002	Bình Định	20C3-CNÔ2			6,71	Trung bình	
611	20004730	Mai Thái	Nhân	Nam	24/11/2002	Tiền Giang	20C3-CNÔ2		TOEIC 350	7,12	Khá	
612	20003967	Thái Lưu	Phú	Nam	24/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ2			7,37	Khá	
613	20003830	Nguyễn Ngọc	Quốc	Nam	20/5/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C3-CNÔ2			6,87	Trung bình	
614	20004047	Nguyễn Chí	Tài	Nam	01/7/2002	Bình Thuận	20C3-CNÔ2			7,42	Khá	
615	20003833	Lê Thành	Tín	Nam	18/5/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C3-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	7,46	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
616	20004049	Mai Trung	Tín	Nam	08/10/2002	Bình Định	20C3-CNÔ2			6,83	Trung bình	
617	20004051	Nguyễn Quốc	Toàn	Nam	20/9/2002	Bình Định	20C3-CNÔ2			7,21	Khá	
618	20004302	Phan Thành	Trí	Nam	28/10/2002	Long An	20C3-CNÔ2			7,49	Khá	
619	20002369	Trần Lưu Hoàng	Ân	Nam	02/02/2002	Trà Vinh	20C3-CNÔ3			6,87	Trung bình	
620	20002599	Ngô Hoàng Quốc	Bảo	Nam	12/5/2002	Tiền Giang	20C3-CNÔ3	IC3		7,79	Khá	
621	20003288	Lê	Duẩn	Nam	02/10/2002	Tây Ninh	20C3-CNÔ3			6,93	Trung bình	
622	20000623	Dương Trung	Hậu	Nam	26/5/2002	Trà Vinh	20C3-CNÔ3	IC3		7,24	Khá	
623	20002940	Lâm Quốc	Hậu	Nam	03/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ3			6,83	Trung bình	
624	20002856	Nguyễn Hữu	Hiệp	Nam	22/7/2002	Tiền Giang	20C3-CNÔ3			6,79	Trung bình	
625	20002967	Phạm Thanh	Hoàng	Nam	20/8/2002	Bình Thuận	20C3-CNÔ3			7,64	Khá	
626	20003012	Triệu Đức	Hoàng	Nam	06/8/2002	Đắk Nông	20C3-CNÔ3	IC3		7,71	Khá	
627	20004013	Vì Quốc	Hoàng	Nam	10/01/2002	Quảng Ngãi	20C3-CNÔ3			7,29	Khá	
628	20003881	Lê Chí	Hùng	Nam	17/9/2002	Đắk Lắk	20C3-CNÔ3	A		6,75	Trung bình	
629	20003439	Phạm Trần Gia	Khiêm	Nam	22/02/2002	Kiên Giang	20C3-CNÔ3			7,29	Khá	
630	20000352	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	08/02/2001	Đắk Lắk	20C3-CNÔ3	IC3		6,88	Trung bình	
631	20002828	Nông Phương	Minh	Nam	25/12/2002	Bình Phước	20C3-CNÔ3	A		7,40	Khá	
632	20004073	Phạm Hoàng	Mỹ	Nam	07/3/2002	Bình Định	20C3-CNÔ3	IC3		6,95	Trung bình	
633	20004801	Cao Hữu	Nghĩa	Nam	20/10/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C3-CNÔ3	IC3	TOEIC 350	7,19	Khá	
634	20002543	Nguyễn Chí	Nghĩa	Nam	17/3/2002	Đồng Nai	20C3-CNÔ3			6,73	Trung bình	
635	20003197	Phạm Thanh	Nhã	Nam	12/12/2002	Đồng Tháp	20C3-CNÔ3			7,08	Khá	
636	20002887	Lâm Nhật	Tân	Nam	08/01/2000	Sóc Trăng	20C3-CNÔ3			6,72	Trung bình	
637	20002376	Huỳnh Văn Tiến	Thịnh	Nam	09/01/2002	Bình Định	20C3-CNÔ3	IC3		7,55	Khá	
638	20002654	Trần Thanh	Tiến	Nam	16/7/2001	Bình Dương	20C3-CNÔ3			7,61	Khá	
639	20003071	Nguyễn Phú	Trung	Nam	07/3/2002	Lâm Đồng	20C3-CNÔ3	IC3	TOEIC 350	7,50	Khá	
640	20003011	Võ Thanh	Tùng	Nam	15/02/2002	Đồng Nai	20C3-CNÔ3			7,37	Khá	
641	20002993	Đỗ Thành	An	Nam	08/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CTM1	IC3		7,60	Khá	
642	20003353	Bùi Phúc Tường	Duy	Nam	25/9/2002	Đồng Tháp	20C3-CTM1	A		7,22	Khá	
643	20005736	Nguyễn Nguyên	Hậu	Nam	02/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CTM1	A		8,58	Giỏi	
644	20002576	Phạm Minh	Hậu	Nam	25/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CTM1	IC3		7,45	Khá	
645	20005761	Phan Kiên	Hiên	Nam	15/10/2002	Bến Tre	20C3-CTM1	IC3		8,23	Khá	HL TK Cad CB
646	20005380	Nguyễn Đức	Huy	Nam	25/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CTM1	IC3	TOEIC 400	7,30	Khá	
647	20006692	Nguyễn Phạm Quốc	Huy	Nam	02/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CTM1	IC3	TOEIC 400	7,94	Khá	
648	20000284	Bùi Đình	Long	Nam	13/8/2001	Ninh Bình	20C3-CTM1	IC3		8,41	Giỏi	
649	20005743	Trần Tuấn	Phong	Nam	26/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CTM1			7,62	Khá	
650	20003147	Nguyễn Thành	Tài	Nam	14/3/2002	Tây Ninh	20C3-CTM1	A		8,30	Giỏi	
651	20002942	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	18/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CTM1	IC3		7,12	Khá	
652	20003517	Châu Thành	Đạt	Nam	05/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-ĐĐT1	IC3		8,33	Giỏi	
653	20005535	Trần Văn	Phát	Nam	15/5/2002	Tiền Giang	20C3-ĐĐT1			6,53	Trung bình	
654	20000668	Hồ	Quốc	Nam	14/5/2001	Quảng Trị	20C3-ĐĐT1			7,05	Khá	
655	20003527	Nguyễn Phạm Minh	Toàn	Nam	08/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-ĐĐT1			7,18	Khá	
656	20004252	Nguyễn Trọng Ngọc	Huy	Nam	29/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C5-CĐT1			7,47	Khá	
657	20005703	Nguyễn Trí	Linh	Nam	29/6/2002	Long An	20C5-CĐT1			7,85	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
658	20001106	Huỳnh Hoàng	Phúc	Nam	20/3/2001	Vĩnh Long	20C5-CĐT1			8,00	Giỏi	
659	20002871	Hồ Anh	Tú	Nam	25/02/2002	Hà Tĩnh	20C5-CĐT1			8,20	Giỏi	
660	20005788	Đỗ Văn	Văn	Nam	27/12/2000	Đồng Nai	20C5-CĐT1			7,54	Khá	
661	20004665	Bùi Quang	Vinh	Nam	03/10/2002	Bến Tre	20C5-CĐT1			8,54	Giỏi	
662	20002087	Mai Trường	Duy	Nam	04/8/2002	Vĩnh Long	20C5-CNÔ1	IC3		8,39	Giỏi	
663	20004292	Lê Nguyễn Anh	Hào	Nam	18/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C5-CNÔ1			7,72	Khá	
664	20000390	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	01/8/2002	Trà Vinh	20C5-CNÔ1	IC3		7,90	Khá	
665	20002713	Ngô Đăng	Khoa	Nam	12/7/2002	Tiền Giang	20C5-CNÔ1	IC3		7,39	Khá	
666	20004094	Lê Thành	Luân	Nam	26/01/2002	Long An	20C5-CNÔ1	IC3		8,06	Giỏi	
667	20002538	Đồng Huỳnh Minh	Nguyên	Nam	21/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C5-CNÔ1			8,38	Giỏi	
668	20002400	Nguyễn Hoàng	Phi	Nam	01/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C5-CNÔ1			7,94	Khá	
669	20003352	Nguyễn Minh	Sang	Nam	24/7/2002	Đồng Tháp	20C5-CNÔ1	IC3		7,46	Khá	
670	20003779	Phạm Dương	Triều	Nam	18/8/2002	Bình Định	20C5-CNÔ1	IC3		7,79	Khá	
671	20002712	Nguyễn Công	Trình	Nam	14/10/2002	Tiền Giang	20C5-CNÔ1	IC3		7,56	Khá	
672	20001281	Nguyễn	Tuyền	Nam	21/3/2002	Quảng Ngãi	20C5-CNÔ1			8,61	Giỏi	
673	20002830	Lê Quốc	Anh	Nam	09/02/2002	Bình Phước	20C6-CNÔ1			7,30	Khá	
674	20003574	Phạm Hoàng	Anh	Nam	14/9/2002	Nam Định	20C6-CNÔ1			7,07	Khá	
675	20003059	Nguyễn Đức	Duy	Nam	20/01/2002	Lâm Đồng	20C6-CNÔ1		TOEIC 400	7,49	Khá	
676	20003988	Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	29/8/2002	Bình Phước	20C6-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,93	Khá	
677	20002883	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	03/6/2002	An Giang	20C6-CNÔ1	A	TOEIC 400	7,48	Khá	
678	20004425	Lê Hoàng	Khang	Nam	30/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ1			7,16	Khá	
679	20005460	Trần Duy	Khang	Nam	03/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ1	A	TOEIC 400	7,68	Khá	
680	20003777	Phan Thành	Lũy	Nam	22/7/2002	Bình Định	20C6-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,45	Trung bình	
681	20003207	Nguyễn Công	Thanh	Nam	16/8/2002	Bình Thuận	20C6-CNÔ1			6,97	Trung bình	
682	20000287	Nguyễn Viết	Thành	Nam	27/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ1			7,42	Khá	
683	20003441	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	11/8/2002	Tiền Giang	20C6-CNÔ1	A		7,12	Khá	
684	20002898	Nguyễn Chí	Bình	Nam	10/01/2002	Đồng Tháp	20C6-CNÔ2	A		6,95	Trung bình	
685	20002345	Nguyễn Sơn	Bình	Nam	26/01/2002	An Giang	20C6-CNÔ2			7,06	Khá	
686	20003309	Nguyễn Thái	Bình	Nam	28/01/2002	Tiền Giang	20C6-CNÔ2			7,18	Khá	
687	20004011	Bùi Trọng	Dũng	Nam	23/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ2			6,80	Trung bình	
688	20002722	Đặng Văn	Duy	Nam	18/8/2002	Quảng Ngãi	20C6-CNÔ2			6,75	Trung bình	
689	20002831	Nguyễn Đức	Khang	Nam	27/01/2002	Bình Phước	20C6-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	7,43	Khá	
690	20002895	Nguyễn Thanh	Lam	Nam	21/8/2002	Đồng Tháp	20C6-CNÔ2			7,13	Khá	
691	20003623	Nguyễn Anh	Nhất	Nam	15/10/2002	Bình Định	20C6-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,83	Khá	
692	20003750	Nguyễn Thanh	Phiên	Nam	23/02/2002	Kiên Giang	20C6-CNÔ2			7,08	Khá	
693	20000285	Đỗ Đức	Quang	Nam	25/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ2	A	TOEIC 400	7,83	Khá	
694	20003631	Trần Thanh	Sơn	Nam	29/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ2	A		7,15	Khá	
695	20003185	Phan Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	06/12/2002	Tiền Giang	20C6-CNÔ2	A		7,58	Khá	
696	20003457	Lê Thái Nhựt	Trường	Nam	20/12/2002	Bến Tre	20C6-CNÔ2			6,88	Trung bình	
697	20002912	Lê Kim	Bằng	Nam	25/4/2002	Quảng Ngãi	20C6-CNÔ3	A		6,97	Trung bình	
698	20002574	Phạm Chí	Bảo	Nam	27/5/2002	Tiền Giang	20C6-CNÔ3	A		6,84	Trung bình	
699	20003528	Nguyễn An	Danh	Nam	17/11/2002	Bình Thuận	20C6-CNÔ3	IC3	TOEIC 350	6,82	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
700	20004207	Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	07/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ3			7,73	Khá	
701	20002902	Trần Trần	Long	Nam	15/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ3	IC3	TOEIC 400	6,85	Trung bình	
702	20004647	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	11/5/2001	Đắk Lắk	20C6-CNÔ3	A		7,25	Khá	
703	20002818	Phạm Minh	Thái	Nam	14/4/2002	Bến Tre	20C6-CNÔ3	A	TOEIC 400	6,84	Trung bình	
704	20003778	Hoàng Đức	Thịnh	Nam	10/9/2002	Ninh Thuận	20C6-CNÔ3	A		6,95	Trung bình	
705	20003669	Nguyễn Văn Hậu	Thuận	Nam	08/11/2002	Bình Định	20C6-CNÔ3	IC3	TOEIC 400	6,82	Trung bình	
706	20003953	Nguyễn Đình Nhật	Trường	Nam	19/02/2002	Bình Phước	20C6-CNÔ3	A		6,53	Trung bình	
707	20002841	Trần Mạnh	Vương	Nam	27/02/2002	Kon Tum	20C6-CNÔ3	A		7,59	Khá	
708	20004021	Võ Duy	Công	Nam	06/7/2002	Quảng Ngãi	20C6-CNÔ4	A		6,59	Trung bình	
709	20003630	Huỳnh Trần Minh	Đạt	Nam	26/8/2002	Long An	20C6-CNÔ4	A		6,30	Trung bình	
710	20002370	Nguyễn Nhật	Quan	Nam	19/8/2002	Bến Tre	20C6-CNÔ4			6,74	Trung bình	
711	20004816	Phạm Xuân	Quý	Nam	25/11/2002	Kon Tum	20C6-CNÔ4	IC3	TOEIC 400	6,58	Trung bình	
712	20002723	Trịnh Đức	Tài	Nam	06/11/2002	Gia Lai	20C6-CNÔ4	IC3		7,19	Khá	
713	20003181	Lâm Phúc	Tân	Nam	04/12/2002	Vĩnh Long	20C6-CNÔ4	A		8,03	Giỏi	
714	20002921	Nguyễn Phước Quốc	Thiên	Nam	25/4/2001	Đồng Tháp	20C6-CNÔ4	A	TOEIC 400	6,26	Trung bình	
715	21000435	Nguyễn Thanh	Đại	Nam	07/5/2002	An Giang	21C1-CCK1	A		7,73	Khá	
716	21000761	Nguyễn Ngọc	Hưng	Nam	17/10/2003	Bình Thuận	21C1-CCK1	A	TOEIC 350	7,27	Khá	
717	21000956	Đỗ Duy	Khang	Nam	26/7/2003	Đồng Tháp	21C1-CCK1			6,18	Trung bình	
718	21000783	Quảng Quốc Đại	Lợi	Nam	16/01/2003	Đồng Tháp	21C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,51	Trung bình	
719	21000895	Lê Thuận	Phát	Nam	08/7/2003	Tây Ninh	21C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,86	Trung bình	
720	21001332	Đỗ Đức	Thuận	Nam	23/02/1978	Hải Dương	21C1-CCK1			7,47	Khá	
721	21000960	Dương Minh	Thuận	Nam	27/5/2003	Long An	21C1-CCK1			6,06	Trung bình	
722	21000875	Ngô Quang	Tiến	Nam	15/8/2003	Tiền Giang	21C1-CCK1			6,06	Trung bình	
723	21003411	Nguyễn Văn	Cường	Nam	25/12/2003	Nghệ An	21C1-CCK2	A	TOEIC 350	6,40	Trung bình	
724	21001923	Trần Hoàng	Đăng	Nam	09/11/2003	Tiền Giang	21C1-CCK2			6,33	Trung bình	
725	21002689	Hồ Minh	Hiền	Nam	27/12/2002	Long An	21C1-CCK2			6,81	Trung bình	
726	21002301	Trần Quang	Khải	Nam	26/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK2			6,24	Trung bình	
727	21002692	Nguyễn Vĩnh	Khang	Nam	17/9/2003	Bến Tre	21C1-CCK2	A		8,02	Giỏi	
728	21002523	Nguyễn Phạm Anh	Kiệt	Nam	25/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK2			6,41	Trung bình	
729	21002733	Nguyễn Tấn	Kiệt	Nam	19/01/2003	Long An	21C1-CCK2			6,75	Trung bình	
730	21001902	Ngô Thành	Lâm	Nam	21/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK2	A		6,50	Trung bình	
731	21001585	Nguyễn Tấn	Long	Nam	01/4/2003	Bến Tre	21C1-CCK2			6,10	Trung bình	
732	21002325	Trương Thành	Nhân	Nam	29/6/2003	Long An	21C1-CCK2			6,36	Trung bình	
733	21001875	Hoàng Văn	Quý	Nam	22/02/2003	Lâm Đồng	21C1-CCK2	A		7,89	Khá	
734	21002155	Quách Thuận	Tâm	Nam	03/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK2	A	TOEIC 350	7,96	Khá	
735	21002545	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	12/4/2003	Long An	21C1-CCK2	A		7,11	Khá	
736	21001582	Nguyễn Trọng	Tính	Nam	14/6/2003	Long An	21C1-CCK2			6,34	Trung bình	
737	21003130	Lê Tuấn	Ca	Nam	23/11/2003	Bình Thuận	21C1-CCK3		TOEIC 350	6,67	Trung bình	
738	21002976	Ngô Thành	Lân	Nam	20/12/2003	Bình Phước	21C1-CCK3			6,51	Trung bình	
739	21003629	Chênh Hưng	Phát	Nam	03/02/2003	Đồng Nai	21C1-CCK3			6,36	Trung bình	
740	21003430	Lại Quang	Sang	Nam	05/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK3			8,31	Giỏi	
741	21003644	Nguyễn Quốc	Toàn	Nam	07/10/2003	Bình Dương	21C1-CCK3	A	TOEIC 350	7,49	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
742	21003858	Huỳnh Tuấn	Anh	Nam	26/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK4	A	TOEIC 350	7,92	Khá	
743	21003757	Ngô Tấn	Đạt	Nam	06/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK4			7,38	Khá	
744	21003816	Võ Đức	Duy	Nam	20/3/2003	Tiền Giang	21C1-CCK4			7,12	Khá	
745	21002698	Thái Hữu	Hải	Nam	30/10/1999	Đồng Nai	21C1-CCK4	A	TOEIC 350	7,67	Khá	
746	21000784	Lê Nhật	Hào	Nam	24/10/2003	Tây Ninh	21C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,83	Trung bình	
747	21003972	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	19/7/2003	Sóc Trăng	21C1-CCK4	A	TOEIC 350	7,10	Khá	
748	21001496	Phạm Văn	Khanh	Nam	03/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK4	A	TOEIC 350	7,12	Khá	
749	21003753	Nguyễn Tuấn	Khiêm	Nam	15/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK4			6,34	Trung bình	
750	21003815	Ngô Minh	Khoa	Nam	06/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK4	A		6,84	Trung bình	
751	21003844	Nguyễn Gia	Minh	Nam	28/7/2003	Quảng Trị	21C1-CCK4			6,87	Trung bình	
752	21003851	Võ Minh	Phụng	Nam	14/12/2003	Tiền Giang	21C1-CCK4	A	TOEIC 350	7,28	Khá	
753	21003697	Trần Thanh	Trường	Nam	31/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CCK4			6,80	Trung bình	
754	21003707	Nguyễn Minh	Vương	Nam	11/4/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-CCK4			6,16	Trung bình	
755	21003649	Nguyễn Văn Xuân	Hoàng	Nam	09/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CDT1	A	TOEIC 350	8,03	Giỏi	
756	21004566	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	24/12/2003	Đồng Tháp	21C1-CDT1			6,86	Trung bình	
757	21000747	Lê Văn	Thao	Nam	19/4/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-CDT1		TOEIC 350	6,74	Trung bình	
758	21004192	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	29/3/1997	Quảng Ngãi	21C1-CDT1			7,76	Khá	
759	21003728	Nguyễn Ngô Mạnh	Khang	Nam	06/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1		TOEIC 350	7,49	Khá	
760	21003017	Huỳnh Quang	Lộc	Nam	29/5/2003	Kiên Giang	21C1-CMT1			6,15	Trung bình	
761	21002624	Dương Vĩnh	Long	Nam	08/01/2000	Tây Ninh	21C1-CMT1			6,80	Trung bình	
762	21000848	Nguyễn Trần Khải	Minh	Nam	06/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			7,01	Khá	
763	21001085	Vũ Văn	Nghiêm	Nam	01/5/2003	Nghệ An	21C1-CMT1			6,92	Trung bình	
764	21000781	Nguyễn Chí	Nhân	Nam	14/10/2003	Bến Tre	21C1-CMT1			6,75	Trung bình	
765	21004167	Trần Anh	Phong	Nam	07/7/2002	Long An	21C1-CMT1			6,93	Trung bình	
766	21003387	Vũ Hoàng	Phúc	Nam	16/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			7,11	Khá	
767	21003900	Võ Phạm Xuân	Quang	Nam	31/5/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			7,05	Khá	
768	21004474	Lê Văn	Tài	Nam	07/02/2002	Bình Phước	21C1-CMT1			6,52	Trung bình	
769	21003036	Nguyễn Anh	Tài	Nam	06/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			6,90	Trung bình	
770	21003583	Trần Đại	Thành	Nam	30/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			6,62	Trung bình	
771	21002193	Nguyễn Tấn	Thịnh	Nam	21/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			6,69	Trung bình	
772	21001255	Nguyễn Xuân	Thơ	Nam	23/3/2003	Bình Thuận	21C1-CMT1			6,59	Trung bình	
773	21001897	Phạm Trường	Thọ	Nam	28/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			6,83	Trung bình	
774	21003801	Trần Minh	Trí	Nam	13/5/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			6,70	Trung bình	
775	21003978	Lê Thanh	Tùng	Nam	05/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			6,99	Trung bình	
776	21004606	Nguyễn Xuân	Việt	Nam	01/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-CMT1			6,60	Trung bình	
777	21003050	Nguyễn Thành	An	Nam	20/4/1999	Bình Định	21C1-ĐCNI	A	TOEIC 350	7,18	Khá	
778	21004449	Huỳnh Công	Danh	Nam	24/7/2002	Bình Thuận	21C1-ĐCNI	A	TOEIC 350	6,94	Trung bình	
779	21002514	Lê Hồng	Đạt	Nam	04/3/2003	Quảng Ngãi	21C1-ĐCNI			6,68	Trung bình	
780	21001728	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	24/5/2003	Bình Phước	21C1-ĐCNI			6,69	Trung bình	
781	21002577	Lê Công	Hào	Nam	31/3/2003	Bình Thuận	21C1-ĐCNI	A		6,10	Trung bình	
782	21000131	Trần Trọng	Hiền	Nam	08/8/1998	Kon Tum	21C1-ĐCNI	A	TOEIC 350	6,44	Trung bình	
783	21003152	Hà Minh	Hoàng	Nam	17/7/2003	Đắk Lắk	21C1-ĐCNI	A		7,39	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
784	21002277	Trần Ngọc	Hùng	Nam	12/9/2001	Bình Phước	21C1-ĐCN1			6,07	Trung bình	
785	21000885	Thạch Hoàng	Long	Nam	22/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐCN1			6,55	Trung bình	
786	21002164	Nguyễn Văn	Phước	Nam	31/01/2003	Bình Phước	21C1-ĐCN1			5,99	Trung bình	
787	21002374	Nguyễn Linh	Sơn	Nam	26/01/2003	Long An	21C1-ĐCN1			6,48	Trung bình	
788	21003060	Nguyễn Kim	Thông	Nam	10/8/2003	Đồng Nai	21C1-ĐCN1			7,37	Khá	
789	21000955	Nguyễn Đức	Trung	Nam	27/02/2003	Bình Thuận	21C1-ĐCN1	A		6,39	Trung bình	
790	21002717	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	22/8/2003	Đắk Lắk	21C1-ĐCN1			6,41	Trung bình	
791	21001024	Võ Thanh	Tùng	Nam	20/02/2003	Bình Thuận	21C1-ĐCN1			6,13	Trung bình	
792	21002052	Đỗ Chính	Yên	Nam	30/10/2002	Lâm Đồng	21C1-ĐCN1		TOEIC 350	7,36	Khá	
793	21004315	Đặng Phước	An	Nam	18/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,13	Khá	
794	21003452	Trần Quốc	Đạt	Nam	17/01/2003	Tây Ninh	21C1-ĐCN2		TOEIC 350	6,69	Trung bình	
795	21003638	Lê Tuấn	Giàu	Nam	18/10/2002	Long An	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,42	Khá	
796	21004166	Lê Phi	Hùng	Nam	12/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,06	Khá	
797	21004607	Nguyễn Thanh	Hung	Nam	09/9/1999	Bình Định	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	8,66	Giỏi	
798	21003727	Nguyễn Hoàng	Kha	Nam	29/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,46	Khá	
799	21003910	Phạm Anh	Luân	Nam	01/02/2003	Tây Ninh	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,17	Khá	
800	21002105	Bùi Tiến	Mạnh	Nam	11/3/2003	Đắk Lắk	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,89	Khá	
801	21004071	Trần Văn	Mạnh	Nam	20/10/1998	Đắk Lắk	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,97	Khá	
802	21003776	Hồ Hải	Nam	Nam	11/5/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	6,75	Trung bình	
803	21003811	Lê Thành	Phát	Nam	20/10/2001	Long An	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	6,33	Trung bình	
804	21003344	Đoàn Ngọc	Sơn	Nam	27/5/2003	Bình Thuận	21C1-ĐCN2		TOEIC 350	6,29	Trung bình	
805	21003808	Nguyễn Dương Hồ	Vũ	Nam	09/01/2003	Tây Ninh	21C1-ĐCN2	A		7,38	Khá	
806	21003397	Nguyễn Thiên	Vương	Nam	08/02/1994	Bình Thuận	21C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,20	Khá	
807	21003475	Nguyễn Thanh Trà	Giang	Nữ	12/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KLB1			7,77	Khá	
808	21001755	Nguyễn Bảo Tường	Hạnh	Nữ	28/01/2003	Bình Định	21C1-KLB1	A		7,69	Khá	
809	21004402	Nguyễn Quang	Mẫn	Nam	30/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KLB1	A		7,71	Khá	
810	21001533	Hồ Ngọc Bảo	Ngân	Nữ	15/11/2003	Bến Tre	21C1-KLB1	A		7,53	Khá	
811	21004579	Nguyễn Ngọc Thuý	Nhiên	Nữ	21/02/2003	Lâm Đồng	21C1-KLB1			7,81	Khá	
812	21001231	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	Nữ	28/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KLB1	A		7,31	Khá	
813	21004567	Ngô Ngọc	Tú	Nữ	09/01/1999	Bình Phước	21C1-KLB1			8,33	Giỏi	
814	21001211	Ngô Nhân	Ấu	Nam	27/01/2003	Tiền Giang	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	6,82	Trung bình	
815	21003703	Nguyễn Chí	Cường	Nam	21/02/2003	Long An	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	6,56	Trung bình	
816	21003200	Phú Đình	Hào	Nam	03/02/2003	Ninh Thuận	21C1-KXD1	A		6,61	Trung bình	
817	21003495	Phan Nhân	Hậu	Nam	18/6/2003	Cà Mau	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	8,01	Giỏi	
818	21000787	Lê Huy	Hoàng	Nam	17/10/2003	Bình Định	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	7,41	Khá	
819	21001310	Phạm Quốc	Huy	Nam	24/12/2003	Phú Yên	21C1-KXD1	A		6,43	Trung bình	
820	21000834	Nguyễn Thanh	Khoa	Nam	27/01/2003	Bình Thuận	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	6,40	Trung bình	
821	21000788	Tài Quốc	Kiệt	Nam	13/7/2003	Bến Tre	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	6,54	Trung bình	
822	21003880	Đỗ Ngọc	Ky	Nam	16/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KXD1	A		6,83	Trung bình	
823	21004546	Nguyễn Đại	Nghĩa	Nam	10/9/2002	Trà Vinh	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	7,45	Khá	
824	21001348	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	30/9/2003	Quảng Nam	21C1-KXD1			6,20	Trung bình	
825	21001862	Lê Minh	Quân	Nam	04/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KXD1		TOEIC 350	6,59	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
826	21004675	Nguyễn Thanh	Son	Nam	24/4/1993	Hậu Giang	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	7,96	Khá	
827	21000447	Phan Quốc	Thái	Nam	04/12/2003	Tiền Giang	21C1-KXD1	A		6,74	Trung bình	
828	21003400	Nguyễn Thành	Trung	Nam	11/6/2003	Bình Định	21C1-KXD1	A	TOEIC 350	7,37	Khá	
829	21000833	Trương Quang	Tuấn	Nam	18/3/2003	Bình Thuận	21C1-KXD1		TOEIC 350	6,33	Trung bình	
830	21001430	Nguyễn Đại	Tùng	Nam	13/8/2003	Quảng Ngãi	21C1-KXD1	A		6,91	Trung bình	
831	21003134	Bùi Thanh	Việt	Nam	08/10/2002	Quảng Ngãi	21C1-KXD1	A		6,07	Trung bình	
832	21003696	Lê Trần Hoàng	Vương	Nam	29/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-KXD1			6,43	Trung bình	
833	21002103	Vũ Duy	Ấn	Nam	27/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,59	Khá	
834	21004209	Cao Thị Lệ	Chi	Nữ	25/12/2003	Gia Lai	21C1-LGT1			7,52	Khá	
835	21003769	Đinh Thanh Thủy	Hà	Nữ	24/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	8,39	Giỏi	
836	21003574	Đoàn Lê Thiên	Hương	Nữ	05/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,47	Khá	
837	21003659	Nguyễn Văn	Minh	Nam	19/4/2003	Tiền Giang	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,69	Khá	
838	21004517	Vũ Khánh	Ngọc	Nữ	20/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,62	Khá	
839	21004111	Lê Minh	Nhật	Nam	03/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,86	Khá	
840	21000261	Đặng Hoài	Son	Nam	15/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LGT1			7,27	Khá	
841	21003673	Nguyễn Trường	Son	Nam	14/01/2003	Ninh Thuận	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	8,14	Giỏi	
842	21004506	Trần Thanh	Tiền	Nam	29/4/2001	Cà Mau	21C1-LGT1	A		7,57	Khá	
843	21002282	Thị Út	Trang	Nữ	12/8/2003	Bình Phước	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,10	Khá	
844	21003869	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	02/01/1998	Thừa Thiên - Huế	21C1-LGT1	A	TOEIC 350	8,62	Giỏi	
845	21002111	Lê Thị Xuân	Đào	Nữ	10/12/2003	Bình Thuận	21C1-LTM1			6,61	Trung bình	
846	21001571	Huỳnh Nhựt	Huy	Nam	25/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LTM1			6,81	Trung bình	
847	21001532	Trần Cát	Lượng	Nam	17/11/2003	Tiền Giang	21C1-LTM1			7,30	Khá	
848	21002036	Huỳnh Lê Hoàng	Minh	Nam	10/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LTM1			7,00	Khá	
849	21001828	Nguyễn Anh	Nam	Nam	02/3/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LTM1			7,08	Khá	
850	21001210	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	26/6/2003	Long An	21C1-LTM1			6,49	Trung bình	
851	21000758	Nguyễn Thị Thu	Phượng	Nữ	18/9/2003	Bình Thuận	21C1-LTM1			6,15	Trung bình	
852	21003029	Hà Trần Minh	Quốc	Nam	07/5/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LTM1			7,57	Khá	
853	21002090	Đỗ Hữu	Tân	Nam	29/11/2003	Bình Dương	21C1-LTM1		TOEIC 350	6,92	Trung bình	
854	21001525	Phan Lê Trường	Vy	Nam	20/11/2003	Tiền Giang	21C1-LTM1			7,06	Khá	
855	21003378	Nguyễn Ngọc Thanh	Diễn	Nam	10/7/2003	Bến Tre	21C1-LTM2			6,82	Trung bình	
856	21004360	Trần Văn	Được	Nam	12/7/2003	Quảng Ninh	21C1-LTM2			7,02	Khá	
857	21004232	Hồng Thái	Dương	Nam	28/10/2003	Tây Ninh	21C1-LTM2			7,27	Khá	
858	21003305	Văn Khải	Duy	Nam	24/10/2003	Cà Mau	21C1-LTM2			6,07	Trung bình	
859	21004582	Lê Thành	Nam	Nam	25/11/2003	Khánh Hoà	21C1-LTM2		TOEIC 350	7,16	Khá	
860	21004297	Trần Hạo	Nam	Nam	27/8/2003	Bình Dương	21C1-LTM2		TOEIC 350	6,48	Trung bình	
861	21003734	Nguyễn Ngọc Lễ	Nghĩa	Nam	14/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LTM2		TOEIC 350	6,95	Trung bình	
862	21004038	Lê Thế	Phượng	Nam	12/4/2003	Hà Tĩnh	21C1-LTM2		TOEIC 350	7,79	Khá	
863	21003343	Phạm Hữu	Sang	Nam	24/11/2003	Bến Tre	21C1-LTM2			7,07	Khá	
864	21001371	Phạm Duy	Sĩ	Nam	17/01/2003	Bình Phước	21C1-LTM2			6,05	Trung bình	
865	21003886	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	30/4/2002	Bình Định	21C1-LTM2			6,76	Trung bình	
866	21003433	Lê Hữu	Triết	Nam	16/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-LTM2		TOEIC 350	6,50	Trung bình	
867	21004044	Lê Nguyễn Anh	Tú	Nam	27/12/2003	Gia Lai	21C1-LTM2		TOEIC 350	7,00	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
868	21003508	Trần Trường	An	Nam	01/01/2003	Cà Mau	21C1-NNA1			8,04	Giỏi	
869	21001242	Lê Bào	Anh	Nam	14/11/2003	Kiên Giang	21C1-NNA1			7,18	Khá	
870	21004592	Trần Bích	Chi	Nữ	20/12/2002	Bình Thuận	21C1-NNA1	A	Chứng chỉ Tiếng Trung	8,47	Giỏi	
871	21003278	Vũ Hồng	Chuyên	Nam	28/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		7,62	Khá	
872	21003315	Trần Ngọc Khánh	Hà	Nữ	04/5/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1			6,88	Trung bình	
873	21004522	Nguyễn Thị Thùy	Hoa	Nữ	25/01/2003	An Giang	21C1-NNA1			7,45	Khá	
874	21000124	Nguyễn Tiến	Hưng	Nam	10/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		7,52	Khá	
875	21004016	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	23/5/2003	Bình Phước	21C1-NNA1	A		8,80	Giỏi	
876	21000693	Nguyễn Bình Thiên	Khôi	Nam	15/5/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1		Chứng chỉ Tiếng Nhật	8,83	Giỏi	
877	21003766	Nguyễn Thị Nhã	Linh	Nữ	08/5/2003	Tiền Giang	21C1-NNA1	A		6,96	Trung bình	
878	21000015	Diệp Thái Tổ	Mỹ	Nữ	20/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		8,98	Giỏi	
879	21000005	Thái Văn	Ngọc	Nam	19/02/2001	Hà Tĩnh	21C1-NNA1	A		8,85	Giỏi	
880	21003817	Nguyễn Đức	Phát	Nam	19/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		7,77	Khá	
881	21002060	Phạm Hoàng	Phúc	Nam	03/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		7,47	Khá	
882	21004676	Phạm Văn Phước	Thịnh	Nam	21/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		7,50	Khá	
883	21000948	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	08/11/2003	Ninh Thuận	21C1-NNA1			6,52	Trung bình	
884	21004176	Đỗ Xuân	Tiến	Nam	29/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1			6,55	Trung bình	
885	21000573	Nguyễn Nhật	Toàn	Nam	24/02/2001	Bình Định	21C1-NNA1			7,81	Khá	
886	21004657	Lê Quang	Triển	Nam	26/10/2003	Đắk Lắk	21C1-NNA1		Chứng chỉ Tiếng Trung	7,27	Khá	
887	21000273	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	30/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		7,38	Khá	
888	21003853	Trương Vinh	Văn	Nam	21/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-NNA1	A		8,06	Khá	HL TH Nói 1
889	21001401	Lê Thị Thảo	Vì	Nữ	31/5/2000	Long An	21C1-NNA1	A		7,42	Khá	
890	21003066	Lê Thanh	Hoà	Nam	14/12/2003	Tây Ninh	21C1-QKS1			6,88	Trung bình	
891	21000682	Đỗ Minh	Huy	Nam	25/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QKS1			7,76	Khá	
892	21004200	Huỳnh Nguyên	Khánh	Nữ	11/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QKS1			7,30	Khá	
893	21004476	Tăng Thiên	Lộc	Nam	26/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QKS1			7,44	Khá	
894	21003143	Nguyễn Thị Bé	Ngân	Nữ	22/8/2003	An Giang	21C1-QKS1			7,74	Khá	
895	21000780	Nguyễn Trương Hiểu	Nhi	Nữ	22/11/2003	Quảng Ngãi	21C1-QKS1			7,52	Khá	
896	21000278	Phạm Thị Thanh	Nhi	Nữ	20/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QKS1			7,79	Khá	
897	21002887	Lê Quốc	Quý	Nam	12/3/2003	Tây Ninh	21C1-QKS1			6,94	Trung bình	
898	21001698	Phạm Ngọc	Thịnh	Nam	22/02/2003	Phú Yên	21C1-QKS1		TOEIC 350	7,85	Khá	
899	21003954	Vũ Huy	Thuần	Nam	19/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QKS1			7,32	Khá	
900	21004627	Lưu Xuân Triều	Vỹ	Nam	05/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QKS1	A	TOEIC 350	8,99	Giỏi	
901	21002890	Cao Như	Ý	Nữ	08/8/2003	Ninh Thuận	21C1-QKS1			7,45	Khá	
902	21001968	Phan Quốc	Đạt	Nam	10/8/2002	Bình Thuận	21C1-QNHI			7,34	Khá	
903	21003184	Điền Thị	Hương	Nữ	24/4/2003	Bình Phước	21C1-QNHI			7,79	Khá	
904	21003451	Tạ Tổ	Như	Nữ	14/9/2001	Bình Phước	21C1-QNHI			7,95	Khá	
905	21004031	Trần Quang	Phúc	Nam	12/11/2003	Đắk Lắk	21C1-QNHI			7,22	Khá	
906	21000101	Lý Mỹ	Phụng	Nữ	03/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QNHI			6,88	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
907	21002664	Nguyễn Thị Ngọc	Thê	Nữ	25/01/2003	Long An	21C1-QNH1			7,45	Khá	
908	21003253	Nguyễn Bùi Quang	Thiện	Nam	29/9/2003	Lâm Đồng	21C1-QNH1			6,70	Trung bình	
909	21004589	Trương Cẩm	Vân	Nữ	20/6/2003	Bình Thuận	21C1-QNH1			7,31	Khá	
910	21003161	Mã Thị Cẩm	Giang	Nữ	16/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTD1			7,07	Khá	
911	21001075	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	29/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTD1	A	TOEIC 350	7,99	Khá	
912	21000205	Mai Ngọc	Huân	Nam	10/12/2003	Bình Định	21C1-QTD1		TOEIC 350	7,16	Khá	
913	21002166	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	17/6/1998	Đồng Nai	21C1-QTD1	A	TOEIC 350	8,17	Giỏi	
914	21001628	Huỳnh Hữu	Khanh	Nam	08/6/2003	Tiền Giang	21C1-QTD1	A	TOEIC 350	7,54	Khá	
915	21003631	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	02/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTD1			6,61	Trung bình	
916	21002854	Hữu Nhật	Linh	Nam	12/4/2003	Bạc Liêu	21C1-QTD1	A		7,14	Khá	
917	21001491	Lê Nguyễn Xuân	Nam	Nam	24/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTD1			6,00	Trung bình	
918	21004218	Trịnh Thị Bích	Ngọc	Nữ	25/12/2000	Đắk Lắk	21C1-QTD1	A	TOEIC 350	7,90	Khá	
919	21004077	Hùng Thị Thùy	Nguyễn	Nữ	12/01/2003	Đắk Lắk	21C1-QTD1			7,75	Khá	
920	21004177	Ngô Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	11/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTD1			8,13	Giỏi	
921	21001660	Võ Ngọc Thanh	Thy	Nữ	24/11/2003	Long An	21C1-QTD1		TOEIC 350	7,71	Khá	
922	21003798	Võ Ngọc	Trân	Nữ	20/3/2001	Bến Tre	21C1-QTD1	A	TOEIC 350	8,66	Giỏi	
923	21004630	Dương Đặng Quốc	Vinh	Nam	06/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTD1	A	TOEIC 350	8,17	Giỏi	
924	21002932	Nguyễn Thị Hồng	Vy	Nữ	12/5/2003	Gia Lai	21C1-QTD1	A	TOEIC 350	7,18	Khá	
925	21003545	Trần Tử	Anh	Nữ	16/12/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	21C1-QTD2	A		8,05	Giỏi	
926	21003526	Hồ Huệ	Hậu	Nam	16/12/2003	Bến Tre	21C1-QTD2	A		6,34	Trung bình	
927	21003509	Phạm Văn	Hoà	Nam	16/9/2003	Đắk Lắk	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	7,03	Khá	
928	21003511	Phạm Hùng	Hứa	Nam	07/11/2003	Hà Nam	21C1-QTD2		TOEIC 350	6,78	Trung bình	
929	21003557	Nguyễn Quang	Huy	Nam	30/01/2003	Bến Tre	21C1-QTD2	A		6,40	Trung bình	
930	21003534	Lê Nguyễn Hoài	Nam	Nam	05/12/2003	Đà Nẵng	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	7,51	Khá	
931	21003528	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	02/3/2003	Hải Dương	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	7,49	Khá	
932	21003510	Nguyễn Thị Thanh	Ngoan	Nữ	26/3/2003	Bình Phước	21C1-QTD2	A		7,00	Khá	
933	21003523	Lê Hồ Uyên	Nhi	Nữ	14/4/2003	Lâm Đồng	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	7,57	Khá	
934	21003562	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	23/10/2003	Hà Nội (Hà tây cũ)	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	7,36	Khá	
935	21003561	Nguyễn Thị Kim	Phụng	Nữ	17/8/2003	Đồng Nai	21C1-QTD2	A		7,20	Khá	
936	21003540	Phạm Trọng	Quân	Nam	16/9/2002	Thái Bình	21C1-QTD2			7,54	Khá	
937	21003567	Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	09/9/2003	Bến Tre	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	8,25	Giỏi	
938	21003517	Nguyễn Văn	Thiên	Nam	30/8/2003	Lâm Đồng	21C1-QTD2	A	TOEIC 350	7,03	Khá	
939	21001130	Hồ Trọng	Bảo	Nam	24/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTM1			6,91	Trung bình	
940	21000310	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	30/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTM1			7,41	Khá	
941	21004410	Cao Nguyễn Công	Khanh	Nam	08/11/2000	Tây Ninh	21C1-QTM1			7,65	Khá	
942	21001598	Nguyễn Văn	Khánh	Nam	02/9/2003	Bến Tre	21C1-QTM1			7,93	Khá	
943	21001695	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	17/01/2003	Long An	21C1-QTM1			6,77	Trung bình	
944	21004503	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	03/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTM1			7,15	Khá	
945	21003850	Mai Thành	Lộc	Nam	10/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTM1			7,68	Khá	
946	21003499	Nguyễn Phạm Hùng	Minh	Nam	01/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTM1			7,11	Khá	
947	21000385	Nguyễn Thị Trâm	My	Nữ	02/3/2001	Đắk Lắk	21C1-QTM1			7,80	Khá	
948	21001697	Thạch Cảnh Minh	Thái	Nam	23/3/2003	Quảng Ngãi	21C1-QTM1			6,79	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
949	21000981	Nguyễn Mạnh	Trung	Nam	29/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-QTM1			6,94	Trung bình	
950	21000590	Huỳnh Trác	Hào	Nam	01/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TCD1			6,96	Trung bình	
951	21004205	Trần Nhật	Khang	Nam	19/5/2003	Long An	21C1-TCD1	A	TOEIC 350	7,48	Khá	
952	21003826	Phạm Thuỳ	Linh	Nữ	05/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TCD1	A	TOEIC 350	6,87	Trung bình	
953	21001440	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	12/7/2002	Bến Tre	21C1-TCD1	A		6,92	Trung bình	
954	21003825	Phạm Nguyễn Như	Trang	Nữ	01/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TCD1	A	TOEIC 350	6,88	Trung bình	
955	21004637	Trần Văn	Trung	Nam	02/10/2003	An Giang	21C1-TCD1	A	TOEIC 350	6,97	Trung bình	
956	21003672	Trần Thanh	Phong	Nam	05/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TĐH1			7,16	Khá	
957	21001048	Đoàn Ngọc	Thoại	Nam	01/01/2003	Cần Thơ	21C1-TĐH1			7,11	Khá	
958	21000888	Mai Phạm Phương	Anh	Nữ	28/9/2003	Tiền Giang	21C1-TKĐ1			7,10	Khá	
959	21000332	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Nữ	25/7/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			8,42	Giỏi	
960	21002818	Đinh Cao	Huỳnh	Nam	20/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			7,80	Khá	
961	21001623	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	18/01/2003	Bến Tre	21C1-TKĐ1			6,56	Trung bình	
962	21000855	Nguyễn Hoàng	Phương	Nam	21/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			7,53	Khá	
963	21000943	Hồ Nguyễn Minh	Quân	Nam	12/4/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			7,43	Khá	
964	21002762	Phạm Minh	Tâm	Nam	07/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1			7,34	Khá	
965	21001782	Phạm Văn	Thịnh	Nam	03/5/2003	Quảng Ngãi	21C1-TKĐ1			7,08	Khá	
966	21002227	Trần Trung	Tín	Nam	29/8/2002	Bình Phước	21C1-TKĐ1		TOEIC 350	7,30	Khá	
967	21003112	Lê Bảo	Toàn	Nam	11/6/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ1		TOEIC 350	6,66	Trung bình	
968	21003912	Nguyễn Huỳnh Quang	Bảo	Nam	15/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,85	Khá	
969	21003256	Trần Hải	Đông	Nam	25/01/2003	Tiền Giang	21C1-TKĐ2			7,11	Khá	
970	21003153	Nguyễn Sĩ	Hoàng	Nam	30/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,39	Khá	
971	21003725	Nguyễn Thành Bảo	Khang	Nam	17/9/2003	Lâm Đồng	21C1-TKĐ2			7,27	Khá	
972	21003601	Huỳnh Văn	Lộc	Nam	10/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,60	Khá	
973	21003965	Võ Thành	Long	Nam	23/7/2003	Quảng Trị	21C1-TKĐ2			7,59	Khá	
974	21002753	Vũ Văn	Long	Nam	17/8/2003	Đắk Lắk	21C1-TKĐ2			7,70	Khá	
975	21004014	Lê Thị Kiều	Ngân	Nữ	14/12/2003	An Giang	21C1-TKĐ2			7,20	Khá	
976	21003299	Bùi Trang Đông	Nghi	Nam	05/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,43	Khá	
977	21003889	Nguyễn Lê Hoàng	Nhân	Nam	18/8/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,09	Khá	
978	21004250	Trương Văn	Tâm	Nam	08/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,06	Khá	
979	21003828	Lê Nguyễn Chí	Thành	Nam	24/7/2003	Bình Thuận	21C1-TKĐ2			6,67	Trung bình	
980	21004572	Huỳnh Ngọc	Thảo	Nữ	16/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			6,81	Trung bình	
981	21004132	Võ Minh	Thư	Nữ	09/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,76	Khá	
982	21001498	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	20/01/2003	Đồng Tháp	21C1-TKĐ2			8,03	Giỏi	
983	21001499	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Nữ	06/9/2003	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TKĐ2			7,09	Khá	
984	21004452	Trần Kim Phi	Vân	Nữ	22/4/2002	Quảng Nam	21C1-TKĐ2			7,46	Khá	
985	21004267	Đặng Quốc	Vấn	Nam	11/3/2003	Quảng Ngãi	21C1-TKĐ2			6,97	Trung bình	
986	21004133	Thạch Mỹ	Xuyên	Nữ	17/9/2003	Vĩnh Long	21C1-TKĐ2			7,32	Khá	
987	21002020	Võ Hoàng Gia	Bảo	Nam	18/3/2003	Gia Lai	21C1-TMĐ1		TOEIC 350	7,30	Khá	
988	21003384	Nguyễn Bình	Dương	Nam	13/02/1998	Hà Tĩnh	21C1-TMĐ1			6,97	Trung bình	
989	21003502	Nguyễn Đức	Huy	Nam	01/01/2002	Khánh Hoà	21C1-TMĐ1	A	TOEIC 350	7,66	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Ghi chú
990	21003968	Huỳnh Quốc	Khang	Nam	24/7/2003	An Giang	21C1-TMD1	A	TOEIC 350	7,59	Khá	
991	21003360	Lê Việt	Lộc	Nam	21/5/2003	Quảng Nam	21C1-TMD1	A		7,18	Khá	
992	21001742	Nguyễn Hồng	Phấn	Nữ	02/6/2003	Tây Ninh	21C1-TMD1			6,78	Trung bình	
993	21003312	Đỗ Quốc	Tài	Nam	01/10/2003	Quảng Ngãi	21C1-TMD1			6,84	Trung bình	
994	21001863	Nguyễn Duy	Thanh	Nam	19/10/2003	Bến Tre	21C1-TMD1	A	TOEIC 350	7,23	Khá	
995	21001343	Phạm Tấn	Thành	Nam	22/12/2002	Khánh Hoà	21C1-TMD1			6,51	Trung bình	
996	21004340	Hồng Chí	Thiệu	Nam	16/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-TMD1	A	TOEIC 350	8,05	Giỏi	
997	21003642	Huỳnh Trần Minh	Vững	Nam	09/10/2001	Đồng Tháp	21C1-TMD1	A	TOEIC 350	7,38	Khá	
998	21004715	Nguyễn Quốc	Ân	Nam	30/8/2003	Tây Ninh	21C1-VSL1			7,75	Khá	
999	21002459	Trần Anh	Chí	Nam	22/02/1998	Bình Phước	21C1-VSL1			7,97	Khá	
1000	21001854	Nguyễn Trung	Hậu	Nam	25/10/2003	Long An	21C1-VSL1			6,56	Trung bình	
1001	21000022	Lê Đình	Hiếu	Nam	28/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-VSL1			6,88	Trung bình	
1002	21001333	Nguyễn Phước	Huy	Nam	17/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-VSL1			7,07	Khá	
1003	21002640	Phạm Gia	Huy	Nam	11/8/2003	Kiên Giang	21C1-VSL1			6,71	Trung bình	
1004	21003026	Mao Trần Tăng	Quyền	Nam	11/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-VSL1			6,85	Trung bình	
1005	21004333	Nguyễn Văn	Thành	Nam	24/01/2003	Long An	21C1-VSL1			7,40	Khá	
1006	21001361	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	17/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	21C1-VSL1			8,17	Giỏi	
1007	21004651	Võ Thanh	Toàn	Nam	18/02/2000	Long An	21C1-VSL1			7,26	Khá	
1008	21000814	Nguyễn Chí	Vĩ	Nam	17/3/2003	Phú Yên	21C1-VSL1			6,88	Trung bình	
1009	21001611	Ngô Quốc	Vinh	Nam	09/3/2003	An Giang	21C1-VSL1			7,14	Khá	

Tổng cộng có 1009 sinh viên, trong đó:

Giỏi:	48	4,76 %
Khá:	372	36,87 %
Trung bình	589	58,37 %





